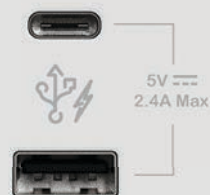


Thiết bị điện dân dụng cao cấp đến từ Pháp



Ổ sạc USB type A+C

Bảng giá
Dành cho Đại lý

05.2022

se.com/vn/vi/

Life Is On

Schneider
Electric

Schneider Electric là chuyên gia quản lý năng lượng và tự động hóa trên toàn cầu, hoạt động trên 100 quốc gia, với mục tiêu giúp mọi người sử dụng năng lượng hiệu quả.



Văn phòng của Tập đoàn Schneider Electric tại Pháp,
Le Hive, Paris, FRANCE

Kính gửi Quý Đối Tác và Quý Khách Hàng,

Đại diện Schneider Electric Việt Nam & Cambodia, tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc đến tất cả quý vị - khách hàng trực tiếp và gián tiếp – những đối tác quan trọng đã cùng chúng tôi vượt qua một năm 2021 với nhiều thách thức và khó khăn do đại dịch Covid mang lại.

Năm 2021, mặc dù nhiều khó khăn, nhưng cũng giúp chúng ta một lần nữa nhìn nhận sự quan trọng trong việc xây dựng một nền tảng kinh doanh bền vững là cần thiết đối với tất cả các doanh nghiệp. Nền tảng đó dựa trên các yếu tố: Năng lực tài chính, Năng lực quản trị trong đó quản trị thông tin đóng vai trò quan trọng, Nền tảng quản trị khách hàng và Văn hóa doanh nghiệp trong định hướng chiến lược kinh doanh.

Với Schneider Electric Việt Nam & Cambodia, cùng với việc tiếp tục triển khai các hoạt động cho các sản phẩm đã giới thiệu trong 2 năm vừa qua, chúng tôi cam kết tiếp tục xây dựng 1 nền văn hóa kinh doanh bền vững cùng với Quý đối tác thông qua các hoạt động:

- Tập trung đầu tư nhân sự phát triển thị trường, đặc biệt các khu vực thị trường mới để xây dựng thương hiệu và mở rộng quan hệ khách hàng.
- Triển khai các chương trình hỗ trợ bán ra cho khách hàng.
- Từng bước xây dựng công cụ quản trị bán hàng để qua đó xây dựng một hệ thống phân phối đồng bộ, trong đó vai trò và sự hợp tác của quý vị là một trong những nhân tố quan trọng để chúng ta xây dựng hệ sinh thái mới - mà ở đó – quý vị có thể dễ dàng tiếp cận thông tin vận hành, giúp cho việc kinh doanh của chúng ta thuận lợi và bền vững hơn.
- Tiếp tục việc giới thiệu những sản phẩm có chất lượng, phù hợp với nhu cầu của thị trường.

Chúng tôi tin rằng, cải tiến và sáng tạo là một phần quan trọng để mỗi doanh nghiệp trở nên khác biệt và phát triển. Hẳn nhiên, quá trình thực thi sẽ có những thách thức về thay đổi trong quy trình vận hành. Chúng tôi hy vọng rằng, Quý vị sẽ luôn đồng hành cùng Schneider để cùng xây dựng và phát triển việc kinh doanh hiệu quả cho tất cả chúng ta, không chỉ trong năm 2022 mà còn nhiều năm tiếp theo.

Một lần nữa, xin chân thành tri ân sự hợp tác của Quý vị và kính chúc quý vị cùng gia đình một năm mới bình an, thịnh vượng và nhiều thành công.

Trân trọng.

Nguyễn Cao Trí
Phó Tổng Giám đốc

Life Is On

Schneider
Electric

Mục lục

● CÔNG TẮC, Ổ CẮM ĐIỆN VÀ PHỤ KIỆN

- 05 Dòng AvatarOn A
- 08 Dòng Zencelo A
- 12 Dòng AvatarOn
- 14 Dòng Zencelo
- 16 Dòng Vivace
- 18 Dòng Concept
- 20 Dòng S-Flexi
- 22 Dòng S-Classic
- 23 Dòng E30 & EMS
- 24 Dòng Mureva
- 25 Đèn pha LED
- 26 Bộ hẹn giờ công tắc đồng hồ CCT15101
- 27 Thiết bị mạng, Bộ hẹn giờ, Cảm biến độ sáng Dòng ổ cắm kéo dài Thorsman
- 28 Thiết bị ổn áp (AVR) & Ổ cắm chống sét
- 29 Phích cắm & ổ cắm công nghiệp Series PK
- 32 Công tắc & ổ cắm phòng thấm nước dòng S56

● THIẾT BỊ PHÂN PHỐI ĐIỆN HẠ THẾ

- 34 Tủ điện dân dụng
- 37 Cầu dao tự động Easy9 - MCB
- 38 Tủ điện kim loại Acti9
- 39 Easy9 RCCB, RCBO, SPD
- 40 Cầu dao tự động Acti9 - MCB iK60N & iC60N
- 41 Cầu dao tự động Acti9 - MCB iC60H & iC60L
- 42 Cầu dao tự động Acti9 - MCB C120N & C120H
- 43 Cầu dao tự động Acti9 - RCCB, RCBO, SPD
- 44 Khởi động từ và rơ le điều khiển Acti9
- 45 Cầu dao tự động dạng khối MCCB - EasyPact EZS 100E/F
- 46 Cầu dao tự động dạng khối MCCB - EasyPact EZS160/250E/F EZS400/630F/N
- 47 Máy cắt không khí ACB-EasyPact EVS 800-4000A
- 48 Easypact EVS Accessories
- 49 Cầu dao tự động dạng khối MCCB Easypact EZC100
- 50 Cầu dao tự động dạng khối MCCB Easypact EZC250 EZC400/630
- 51 Cầu dao tự động dạng khối MCCB Easypact CVS100/630
- 53 Cầu dao tự động dạng khối Compact NSXm

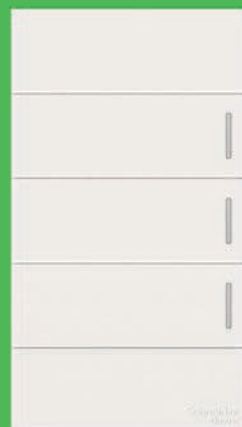
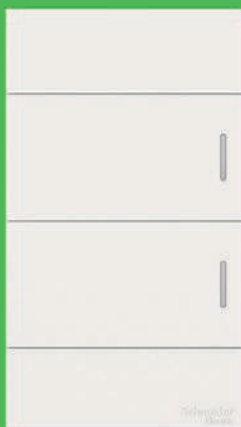
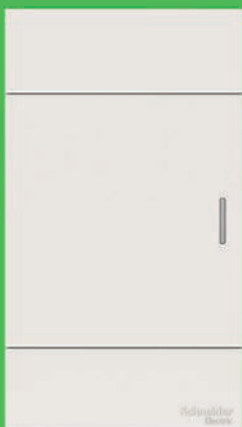
● THIẾT BỊ ĐIỀU KHIỂN, CÔNG NGHIỆP

- 54 CB bảo vệ động cơ loại từ và từ nhiệt - Tesys
- 55 Khởi động từ Tesys D LC1D 9-150A
- 56 Rơ le nhiệt Tesys loại D
- 57 Khởi động từ Easypact TVS
- 58 Rơ le nhiệt Easypact TVS LRE
- 59 Nút nhấn - đèn báo - công tắc xoay họ XB7
- 60 Nút nhấn - đèn báo - công tắc xoay họ XA2
- 62 Rơ le trung gian 2-4 C/O, 5-3A loại RXM LB
- 63 Bộ nguồn 24V DC - ABL2K
- 64 Bộ điều khiển & đồng hồ



AvatarOn A

Lắp nhanh tay, bật mê ngay



Trần viền phong cách | Lắp nhanh an toàn | Ngập tràn tiện ích



Resource
performance



Circularity
performance



Well-being
performance

CÔNG TẮC Ổ CẮM AvatarOn A

		Đóng gói	Đơn Giá (VNĐ)
	Mặt cho 3 thiết bị size S		
M3T03_WE		12/96	19,800
	Mặt cho 2 thiết bị size S		
M3T02_WE		10/80	19,800
	Mặt cho 1 thiết bị size S		
M3T01_WE		10/80	19,800
	Mặt cho cầu dao an toàn		
M3T01SB_WE		10/80	19,800
	Mặt cho MCB 1 cực		
M3T01MCB_WE		16/128	24,200
	Mặt cho MCB 2 cực		
M3T02MCB_WE		16/128	24,200
	Mặt che trơn		
M3T01BP_WE		16/96	24,200
	Công tắc 1 chiều 16AX, size S		
M3T31_1F_WE	Cắm nhanh	20/240	22,000
	Công tắc 2 chiều 16AX, size S		
M3T31_2_WE	Cắm nhanh	20/240	46,200
	Công tắc 1 chiều 16AX, size M (1.5S)		
M3T31_M1F_WE	Cắm nhanh	14/168	47,300
	Công tắc 2 chiều 16AX, size M (1.5S)		
M3T31_M2_WE	Cắm nhanh	14/168	74,800
	Công tắc 1 chiều 16AX, size E (3S)		
M3T31_E1F_WE	Cắm nhanh	20/120	59,400
	Công tắc 2 chiều 16AX, size E (3S)		
M3T31_E2_WE	Cắm nhanh	20/120	82,500
	Công tắc 2 cực 20A, size S		
M3T31_D20N_WE		20/240	154,000
	Công tắc trung gian 16AX, size S		
M3T31_IM_WE		20/240	251,900
	Nút nhấn chuông 10A, size E (3S)		
M3T31_HBP_WE	Cắm nhanh	20/120	71,500
	Phụ kiện mặt che ốc		
M3T01SC_WE		50/600	11,000

		Đóng gói	Đơn Giá (VNĐ)
	Ổ cắm đơn 2 chấu 16A, size S		
M3T426US_WE	Cắm nhanh	20/240	40,700
	Ổ cắm đơn 3 chấu 16A, size 2S		
M3T426UST_WE	Cắm nhanh	10/120	70,400
	Ổ cắm đa năng 16A, size 2S		
M3T426_IS_WE		10/120	303,600
	Ổ cắm đôi 3 chấu 16A, size E (3S)		
M3T426UST2_WE	Cắm nhanh	15/120	101,200
	Bộ ổ cắm đôi 3 chấu 16A có công tắc		
M3T_SIS_WE	Cắm nhanh	12/72	171,600
	Ổ sạc USB type A, 2.1A, size S		
M3T_USB_WE		20/240	523,600
	Ổ sạc USB type A + C, 2.4A, size 2S		
M3T_USB2_WE		10/120	653,400
	Ổ cắm điện thoại, size S		
M3T1RJ4M_WE		20/240	88,000
	Ổ cắm anten TV, size S		
M3T1TV75M_WE		20/240	88,000
	Ổ cắm mạng cat5e, size S		
M3T1RJ5M_WE		20/240	192,500
	Ổ cắm mạng cat6, size S		
M3T1RJ6M_WE		20/240	229,900
	Công tắc điều chỉnh độ sáng đèn, size S, 1 - 400W		
M3T1V400DM_WE		15/180	344,300
Điều chỉnh được đèn LED. Không có chức năng ON/OFF.			
	Công tắc điều chỉnh tốc độ quạt, size S, 40 - 400W		
M3T1V400FM_WE		15/180	356,400
Phù hợp với quạt trần và quạt hút. Không có chức năng ON/OFF.			
	Đèn báo đỏ, size S		
M3TNRD_WE		20/240	59,400
	Nút che trơn, size S		
M3T01BC_WE		20/240	11,000
	Mặt che phòng thấm nước, IP55		
M3T01WP_WE		6/24	237,600

**Lưu ý: Công tắc dòng AvatarOn A được hỗ trợ thêm chức năng dạ quang, khi hấp thụ đủ ánh sáng, dạ quang có thể phát sáng trong vòng 2h.

ZENcelo A
be in-standing



PHONG CÁCH SỐNG MỚI CHO NGÔI NHÀ BẠN

Zencelo A khẳng định ưu thế vượt bậc và tiên phong khi áp dụng công nghệ IMPRESS nhấn tắt nhấn mở cùng một vị trí và đèn LED sang trọng giúp xác định công tắc trong bóng tối. Sản phẩm đạt giải thưởng iF, giải thưởng toàn cầu dành cho lĩnh vực thiết kế.

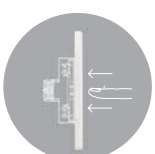
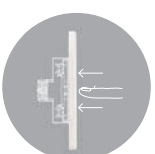
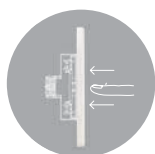
se.com/vn/vi/



ZEncelo A

DÒNG CÔNG TẮC

HOÀN TOÀN PHẪNG THẾ HỆ MỚI



Cơ chế iso-motion-press:
Nhấn tắt nhấn mở tại cùng
một vị trí



15.000 lần rút cắm cho ổ cắm
80.000 lần bật tắt cho công tắc
Vật liệu polycarbonate bền bỉ
chống ăn mòn, chống va đập
& chịu nhiệt cao



Thiết kế module trên
bề mặt kim loại chống gỉ



Sang trọng và ấn tượng với đèn
LED hiển thị vị trí công tắc

DÒNG CÔNG TẮC Ổ CẮM ZENCELO A

Mặt cho dòng Zencelo A

	Mặt cho 1 thiết bị, size S	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
		15/150	
	A8401S_WE_G19	☐	44,000
	A8401S_SZ_G19	☒	62,700
	A8401L_WE_G19	☐	44,000
	A8401L_SZ_G19	☒	62,700
	A84T04L_WE_G19	☐	80,300
	A84T04L_SZ_G19	☒	113,300
	A84T02L_WE_G19	☐	80,300
	A84T02L_SZ_G19	☒	113,300
	A8401M_WE_G19	☐	44,000
	A8401M_SZ_G19	☒	62,700
	A8401SB_WE_G19	☐	18,700
	A8401SB_SZ_G19	☒	26,400
	A8401MCB_WE_G19	☐	44,000
	A8401MCB_SZ_G19	☒	62,700
	A8402MCB_WE_G19	☐	44,000
	A8402MCB_SZ_G19	☒	62,700

Ổ cắm TV, mạng, điện thoại dòng Zencelo A

	Ổ data cat6, size S	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
		18/180	
	8431SRJ6V_WE_G19	☐	282,700
	8431SRJ6V_BZ_G19	☒	327,800
	8431SRJ4_WE_G19	☐	147,400
	8431SRJ4_BZ_G19	☒	165,000
	8431STV_WE_G19	☐	147,400
	8431STV_BZ_G19	☒	165,000

Công tắc dòng Zencelo A

	Công tắc 1 chiều 16AX, size S	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
		24/240	
	8431S_1_WE_G19	☐	81,400
	8431S_1_BZ_G19	☒	104,500
	8431S_2_WE_G19	☐	107,800
	8431S_2_BZ_G19	☒	127,600
	8431M_1_WE_G19	☐	103,400
	8431M_1_BZ_G19	☒	116,600
	8431M_2_WE_G19	☐	127,600
	8431M_2_BZ_G19	☒	150,700
	8431L_1_WE_G19	☐	116,600
	8431L_1_BZ_G19	☒	127,600
	8431L_2_WE_G19	☐	154,000
	8431L_2_BZ_G19	☒	167,200
	8431M_3_WE_G19	☐	167,200
	8431M_3_BZ_G19	☒	190,300
	8431MD20_WE_G19	☐	295,900
	8431MD20_BZ_G19	☒	352,000
	8431SBP_WE_G19	☐	141,900
	8431SBP_BZ_G19	☒	151,800
	8430SP_WE_G19	☐	12,100
	8430SP_BZ_G19	☒	14,300
	8430LP_WE_G19	☐	26,400
	8430LP_BZ_G19	☒	29,700

DÒNG CÔNG TẮC Ổ CẮM ZENCELO A

Ổ cắm cho dòng Zencelo A

	Ổ cắm đơn 2 chấu 10A, size S	Đóng gói 24/240	Đơn giá (VNĐ)
	84426SUS_WE_G19	☐	78,100
	84426SUS_BZ_G19	☒	88,000
	Ổ cắm đơn 3 chấu 16A, size 2S	12/120	
	84426MUES_WE_G19	☐	141,900
	84426MUES_BZ_G19	☒	162,800
	Ổ cắm đôi 3 chấu 16A, size L	8/80	
	84426LUES2_WE_G19	☐	167,200
	84426LUES2_BZ_G19	☒	190,300
	Ổ sạc USB 2.1A đơn, size S	12/120	
	8431USB_WE	☐	435,600
	8431USB_BZ	☒	500,500
	Ổ sạc USB 2.1A đôi, size 2S	6/60	
	8432USB_WE	☐	602,800
	8432USB_BZ	☒	717,200

Thiết bị dành cho khách sạn dòng Zencelo A

	Công tắc chia khóa thẻ	Đóng gói 30/240	Đơn giá (VNĐ)
	A8431EKT_WE	☐	1,294,700
	A8431EKT_SZ	☒	1,456,400
	Ổ cắm dao cạo râu	1/18	
	A84727_WE	☐	2,561,900
	A84727_SZ	☒	3,169,100
	Đèn hiển thị "Không làm phiền"	24/240	
	8430SDND_WE_G19	☐	312,400
	8430SDND_BZ_G19	☒	377,300
	Đèn hiển thị "Xin dọn phòng"	24/240	
	8430SPCU_WE_G19	☐	312,400
	8430SPCU_BZ_G19	☒	377,300
	Công tắc "Không làm phiền"	24/240	
	8431SDND_WE_G19	☐	432,300
	8431SDND_BZ_G19	☒	534,600
	Công tắc "Xin dọn phòng"	24/240	
	8431SPCU_WE_G19	☐	432,300
	8431SPCU_BZ_G19	☒	534,600

Phụ kiện dòng Zencelo A

	Công tắc điều chỉnh tốc độ quạt	Đóng gói 12/48	Đơn giá (VNĐ)
	3031V400FM_K_WE	☐	493,900
	3031V400FM_C15518	☒	504,900
	Công tắc điều chỉnh độ sáng đèn 500W	12/48	
	3031V500M_K_WE	☐	435,600
	3031V500M_C15518	☒	504,900
	Đèn báo đỏ	24/240	
	8430SNRD_WE_G19	☐	180,400
	8430SNRD_BZ_G19	☒	201,300

THAM KHẢO MÀU SẮC

☐ Mã_WE
Màu trắng

☒ Mã_BZ
Màu đồng ánh bạc



Dòng công tắc ổ cắm AvatarOn

Sáng không gian, đậm phong cách

Thiết kế độc đáo & sáng tạo

Công nghệ tiếp điểm “SS” đột phá giúp các trải nghiệm bật, tắt sản phẩm trở nên nhẹ nhàng và hoàn hảo chưa từng có



Công nghệ Đèn LED hắt sáng tuyệt diệu

Đèn LED định vị ẩn dưới phím công tắc tạo một tổng thể thiết kế thanh thoát và trang nhã.



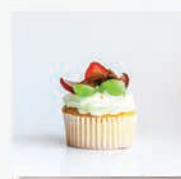
Các chức năng tiện ích

Móc treo chìa khóa, phím đỡ điện thoại kết hợp ổ sạc USB mang lại nhiều tiện ích cho cuộc sống.



Biến hóa không giới hạn

Các mặt che công tắc có thể thay đổi dễ dàng giúp bạn thể hiện phong cách cho từng không gian sống, khẳng định cá tính của mỗi người một cách tinh tế nhất.



Công tắc dòng AvatarOn

		Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
	Bộ công tắc đơn 1 chiều 16AX, có đèn LED	10/60	
	E8331L1LED_WE_G19		193,600
	E8331L1LED_WG_G19		244,200
	E8331L1LED_WD_G19		270,600
	Bộ công tắc đôi 1 chiều 16AX, có đèn LED	10/60	
	E8332L1LED_WE_G19		282,700
	E8332L1LED_WG_G19		357,500
	E8332L1LED_WD_G19		401,500
	Bộ công tắc ba 1 chiều 16AX, có đèn LED	10/60	
	E8333L1LED_WE_G19		383,900
	E8333L1LED_WG_G19		486,200
	E8333L1LED_WD_G19		555,500
	Bộ công tắc bốn 1 chiều 16AX, có đèn LED	8/48	
	E8334L1LED_WE_G19		588,500
	E8334L1LED_WG_G19		755,700
	E8334L1LED_WD_G19		852,500
	Bộ công tắc đơn 2 chiều 16AX, có đèn LED	10/60	
	E8331L2LED_WE_G19		218,900
	E8331L2LED_WG_G19		288,200
	E8331L2LED_WD_G19		323,400
	Bộ công tắc đôi 2 chiều 16AX, có đèn LED	10/60	
	E8332L2LED_WE_G19		333,300
	E8332L2LED_WG_G19		423,500
	E8332L2LED_WD_G19		478,500
	Bộ công tắc ba 2 chiều 16AX, có đèn LED	10/60	
	E8333L2LED_WE_G19		462,000
	E8333L2LED_WG_G19		588,500
	E8333L2LED_WD_G19		658,900
	Bộ công tắc bốn 2 chiều 16AX, có đèn LED	8/48	
	E8334L2LED_WE_G19		709,500
	E8334L2LED_WG_G19		845,900
	E8334L2LED_WD_G19		931,700
	Bộ công tắc trung gian 16AX	8/48	
	E8331M_WE_G19		333,300
	E8331M_WG_G19		423,500
	E8331M_WD		432,300

THAM KHẢO MÀU SẮC

 Mã_WE
Màu trắng

 Mã_WG
Màu vàng ánh kim

 Mã_WD
Màu gỗ



Công tắc dòng AvatarOn

		Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
	Bộ công tắc đơn 2 cực 20A	10/60	
	E8331D20N_WE_G19		444,400
	E8331D20N_WG_G19		628,100
	E8331D20N_WD_G19		635,800
	Bộ công tắc đôi 2 cực 20A	8/48	
	E8332D20N_WE_G19		833,800
	E8332D20N_WG_G19		1,126,400
	E8332D20N_WD_G19		1,202,300
	Nút nhấn chuông đơn 10A	10/60	
	E8331BPL1_WE_G19		268,400
	E8331BPL1_WG_G19		333,300
	E8331BPL1_WD_G19		389,400
	Bộ điều chỉnh ánh sáng đèn 250VA (điều chỉnh đèn LED từ 3w - 100W)	8/48	
	E8331RD250_WE		1,651,100
	E8331RD250_WG		1,907,400

Ổ cắm dòng AvatarOn

		Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
	Bộ ổ cắm đôi 3 chấu 16A	10/60	
	E83426UES2_WE_G19		360,800
	E83426UES2_WG_G19		440,000
	E83426UES2_WD_G19		518,100
	Bộ ổ cắm đôi 2 chấu 10A	10/60	
	E83426U2_WE_G19		218,900
	E83426U2_WG_G19		268,400
	E83426U2_WD_G19		298,100
	Bộ ổ sạc USB đôi 2.1A	8/48	
	E8332USB_WE_G19		1,372,800
	E8332USB_WG_G19		1,645,600
	E8332USB_WD_G19		1,988,800
	Bộ ổ cắm đa năng và sạc USB đôi	8/48	
	E8342616USB_WE_G19		2,024,000
	E8342616USB_WG_G19		2,461,800
	E8342616USB_WD		2,588,300
	Bộ ổ cắm đơn đa năng 16A	10/60	
	E83426TS_WE_G19		465,300
	E83426TS_WG_G19		581,900
	E83426TS_WD		613,800
	Bộ ổ cắm đơn đa năng 16A, có công tắc	12/72	
	E8315TS_WE_G19		543,400
	E8315TS_WG_G19		673,200

Ổ cắm TV, mạng, điện thoại dòng AvatarOn

	Bộ ổ cắm TV đơn		Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
			10/60	
	E8331TV_WE_G19		357,500	
	E8331TV_WG_G19		435,600	
	Bộ ổ cắm điện thoại đơn		Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
			10/60	
	E8331RJS4_WE_G19		229,900	
	E8331RJS4_WG_G19		282,700	
	Bộ ổ cắm mạng cat5e đơn		Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
			10/60	
	E8331RJS5_WE_G19		295,900	
	E8331RJS5_WG_G19		357,500	
	Bộ ổ cắm mạng cat5e đôi		Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
			10/60	
	E8332RJS5_WE_G19		473,000	
	E8332RJS5_WG_G19		576,400	
	Bộ ổ cắm mạng cat6 đơn		Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
			10/60	
	E8331RJS6_WE_G19		411,400	
	E8331RJS6_WG_G19		500,500	
	Bộ ổ cắm mạng cat6 đôi		Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
			10/60	
	E8332RJS6_WE_G19		614,900	
	E8332RJS6_WG_G19		742,500	
	Bộ ổ cắm TV và Bộ ổ cắm mạng cat5e		Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
			10/60	
	E8332TVRJS5_WE_G19		525,800	
	E8332TVRJS5_WG_G19		628,100	
	Bộ ổ cắm điện thoại và Bộ ổ cắm mạng cat5e		Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
			10/60	
	E8332TDRJS5_WE_G19		423,500	
	E8332TDRJS5_WG_G19		512,600	
	Bộ ổ cắm TV và Bộ ổ cắm mạng cat6		Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
			10/60	
	E8332TVRJS6_WE_G19		614,900	
	E8332TVRJS6_WG_G19		755,700	

Thiết bị dành cho khách sạn dòng AvatarOn

	Bộ ổ cắm dao cạo râu		Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
			1/20	
	E83T727V_WE_G19		2,137,300	
	E83T727V_WG_G19		2,571,800	
	Bộ công tắc chia khóa thẻ		Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
			10/60	
	E8331EKT_WE_G19		1,420,100	
	E8331EKT_WG_G19		1,702,800	
	Bộ công tắc chuông "Không làm phiền", "Xin dọn phòng", "Vui lòng chờ"		Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
			10/60	
	E8331BPDMW_WE_G19		779,900	
	E8331BPDMW_WG_G19		935,000	
	Bộ công tắc "Không làm phiền", "Xin dọn phòng", "Vui lòng chờ"		Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
			10/60	
	E8333DMWS_WE_G19		704,000	
	E8333DMWS_WG_G19		833,800	
	E8333DMWS_WD_G19		1,007,600	

Phụ kiện dòng AvatarOn

	Mặt che trơn		Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
			12/72	
	E8330X_WE_G19		141,900	
	E8330X_WG_G19		180,400	
	Đế âm cho mặt đơn chuẩn Anh			
	A3B050_G19		30,800	

Thiết bị khác dòng AvatarOn

	Đèn chân tường		Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
			1/8	
	E8390FLW_WE_G19	☐	696,300	
	Cảm biến chất lượng không khí		Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
			1/5	
	E83PM25_WE	☐	2,423,300	

DÒNG CÔNG TẮC Ổ CẮM ZENCELO

Công tắc dòng Zencelo

		Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
	Bộ công tắc đơn 1 chiều 16A 8/80		
	E8431_1_G19		137,500
	E8431_1_SZ_G19		157,300
	E8431_1_SA_G19		157,300
	Bộ công tắc đôi 1 chiều 16A 8/80		
	E8432_1_G19		216,700
	E8432_1_SZ_G19		248,600
	E8432_1_SA_G19		248,600
	Bộ công tắc ba 1 chiều 16A 8/80		
	E8433_1_G19		297,000
	E8433_1_SZ_G19		343,200
	E8433_1_SA_G19		343,200
	Bộ công tắc bốn 1 chiều 16A 8/80		
	E8434_1_G19		424,600
	E8434_1_SZ_G19		503,800
	E8434_1_SA_G19		503,800
	Bộ công tắc đơn 2 chiều 16A 8/80		
	E8431_2_G19		187,000
	E8431_2_SZ_G19		213,400
	E8431_2_SA_G19		213,400
	Bộ công tắc đôi 2 chiều 16A 8/80		
	E8432_2_G19		284,900
	E8432_2_SZ_G19		330,000
	E8432_2_SA_G19		330,000
	Bộ công tắc ba 2 chiều 16A 8/80		
	E8433_2_G19		387,200
	E8433_2_SZ_G19		447,700
	E8433_2_SA		447,700
	Bộ công tắc trung gian 16A 8/80		
	E8431_I_G19		264,000
	E8431_I_SZ_G19		310,200
	E8431_I_SA		310,200
	Bộ công tắc đơn 2 cực 20A 8/80		
	E8431D20_G19		387,200
	E8431D20_SZ_G19		441,100
	E8431D20_SA_G19		441,100
	Bộ công tắc chuông 10A 8/80		
	E8431BP1_G19		225,500
	E8431BP1_SZ_G19		256,300
	E8431BP1_SA_G19		256,300

Ổ cắm dòng Zencelo

		Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
	Bộ ổ cắm đôi 2 chấu 10A 8/80		
	E84426U2_G19		177,100
	E84426U2_SZ_G19		222,200
	E84426U2_SA_G19		222,200
	Bộ ổ cắm đơn 3 chấu 16A 8/80		
	E84426UESTR_WE_G19		172,700
	E84426UESTR_SZ_G19		205,700
	E84426UESTR_SA_G19		205,700
	Bộ ổ cắm đôi 3 chấu 16A 12/120		
	E84426UES2_WE_G19		279,400
	E84426UES2_SZ_G19		332,200
	E84426UES2_SA_G19		332,200
	Bộ ổ cắm đơn đa năng 16A 12/120		
	E84426_16TS_WE_G19		317,900
	E84426_16TS_SZ_G19		382,800
	E84426_16TS_SA_G19		382,800
	Bộ ổ sạc USB đơn 2.1A 12/120		
	E8431USB_WE_G19		1,138,500
	E8431USB_SZ_G19		1,337,600
	E8431USB_SA_G19		1,337,600
	Bộ ổ sạc USB đôi 2.1A 12/120		
	E8432USB_WE_G19		1,823,800
	E8432USB_SZ_G19		2,082,300
	E8432USB_SA_G19		2,082,300
	Bộ ổ cắm đa năng và sạc USB đôi 8/48		
	E8442616USB_WE_G19		1,842,500
	E8442616USB_SZ_G19		2,164,800
	E8442616USB_SA_G19		2,164,800

THAM KHẢO MÀU SẮC

 Mã_WE
Màu trắng

 Mã_SZ
Màu đồng

 Mã_SA
Màu xám



DÒNG CÔNG TẮC Ổ CẮM ZENCELO

Ổ cắm TV, mạng, điện thoại dòng Zencelo

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
	Bộ ổ cắm TV đơn 8/80	
	E8431TVS_G19	292,600
	E8431TVS_SZ_G19	345,400
	E8431TVS_SA_G19	345,400
	Bộ ổ cắm điện thoại đơn 8/80	
	E8431RJS4_G19	185,900
	E8431RJS4_SZ_G19	225,500
	E8431RJS4_SA_G19	225,500
	Bộ ổ cắm mạng cat5e đơn 8/80	
	E8431RJS_5_G19	238,700
	E8431RJS_5_SZ_G19	283,800
	E8431RJS_5_SA_G19	283,800
	Bộ ổ cắm mạng cat6 đơn 8/80	
	E8431RJS_6_G19	356,400
	E8431RJS_6_SZ_G19	437,800
	E8431RJS_6_SA_G19	437,800
	Bộ ổ cắm mạng cat6 đôi 8/80	
	E8432RJS_6_G19	557,700
	E8432RJS_6_SZ_G19	668,800
	E8432RJS_6_SA	668,800
	Bộ ổ cắm điện thoại và ổ cắm mạng cat6 8/80	
	E8432TDRJS_6_G19	449,900
	E8432TDRJS_6SZ_G19	540,100
	E8432TDRJS_6SA_G19	540,100

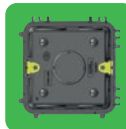
Dimmer dòng Zencelo

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
	Bộ điều chỉnh ánh sáng đèn 350VA 1/120	
	E8431EPD4_WE	1,754,500
	E8431EPD4_SZ	1,896,400
	E8431EPD4_SA	1,896,400
	Bộ công tắc điều chỉnh tốc độ quạt 6/60	
	E8431SPF_WE	1,838,100
	E8431SPF_SZ	2,384,800
	E8431SPF_SA	2,384,800

Thiết bị dành cho khách sạn dòng Zencelo

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
	Bộ ổ cắm dao cạo râu 1/120	
	E84T727V_WE	1,724,800
	E84T727V_SZ	1,973,400
	E84T727V_SA	1,973,400
	Bộ công tắc chia khóa thẻ 6/60	
	E8431EKT_WE	1,139,600
	E8431EKT_SZ	1,377,200
	E8431EKT_SA	1,377,200
	Bộ công tắc chuông “không làm phiền”, “Xin dọn phòng” 8/80	
	E8431BPDM_G19	622,600
	E8431BPDM_SZ_G19	677,600
	E8431BPDM_SA_G19	677,600
	Bộ công tắc “không làm phiền”, “Xin dọn phòng” 8/80	
	E8432DMS_G19	589,600
	E8432DMS_SZ_G19	708,400
	E8432DMS_SA_G19	708,400

Phụ kiện dòng Zencelo

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
	Mặt che trơn 12/120	
	E8430X_G19	68,200
	E8430X_SZ_G19	106,700
	E8430X_SA	106,700
	Đế âm cho mặt đơn chuẩn Anh	
	A3B050_G19	30,800

Công tắc dòng Vivace

		Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
	Bộ công tắc đơn 1 chiều 16AX		
		8/80	
	KB31_1_WE_G19	☐	75,900
	KB31_1_AS_G19	☒	94,600
	Bộ công tắc đôi 1 chiều 16AX		
		8/80	
	KB32_1_WE_G19	☐	107,800
	KB32_1_AS_G19	☒	133,100
	Bộ công tắc ba 1 chiều 16AX		
		8/80	
	KB33_1_WE_G19	☐	139,700
	KB33_1_AS_G19	☒	173,800
	Bộ công tắc bốn 1 chiều 16AX		
		5/50	
	KB34S_1_WE_G19	☐	372,900
	KB34S_1_AS_G19	☒	467,500
	Bộ công tắc đơn 2 chiều 16AX		
		8/80	
	KB31_WE_G19	☐	81,400
	KB31_AS_G19	☒	96,800
	Bộ công tắc đôi 2 chiều 16AX		
		8/80	
	KB32_WE_G19	☐	130,900
	KB32_AS_G19	☒	160,600
	Bộ công tắc ba 2 chiều 16AX		
		8/80	
	KB33_WE_G19	☐	187,000
	KB33_AS_G19	☒	227,700
	Bộ công tắc bốn 2 chiều 16AX		
		5/50	
	KB34S_WE_G19	☐	413,600
	KB34S_AS_G19	☒	495,000
	Bộ công tắc trung gian 10AX		
		8/80	
	KB31IA_WE_G19	☐	244,200
	KB31IA_AS_G19	☒	317,900
	Bộ nút nhấn chuông 10A		
		8/80	
	KB31BPB_WE_G19	☐	94,600
	KB31BPB_AS_G19	☒	121,000

Công tắc 2 cực dòng Vivace

		Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
	Bộ công tắc đơn 2 cực 20A		
		10/100	
	KB31D20NE_WE_G19	☐	200,200
	KB31D20NE_AS_G19	☒	254,100
	Bộ công tắc đôi 2 cực 20A		
		10/100	
	KB32D20NE_WE_G19	☐	366,300
	KB32D20NE_AS_G19	☒	463,100

Ổ cắm dòng Vivace

		Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
	Bộ ổ cắm đôi 2 chấu 10A		
		10/100	
	KB426US2_WE_G19	☐	160,600
	KB426US2_AS_G19	☒	200,200
	Bộ ổ cắm đơn 3 chấu 16A		
		10/100	
	KB426UEST_G19	☐	160,600
	KB426UEST_AS_G19	☒	201,300
	Bộ ổ cắm đôi 3 chấu 16A		
		9/90	
	KB426UES2_WE_G19	☐	240,900
	KB426UES2_AS_G19	☒	337,700
	Bộ ổ cắm đơn đa năng 13A		
		10/100	
	KB413S	☐	200,200
	KB413S_AS_G19	☒	247,500
	Bộ ổ cắm đơn đa năng 13A có công tắc		
		10/100	
	KB113LS_WE_G19	☐	214,500
	KB113LS_AS_G19	☒	281,600
	Bộ ổ cắm đôi đa năng 13A		
		10/100	
	KBT413S_WE_G19	☐	393,800
	KBT413S_AS_G19	☒	508,200

Đế âm

			Đơn giá (VNĐ)
	Đế âm cho mặt đơn chuẩn Anh		
	A3B050_G19		30,800

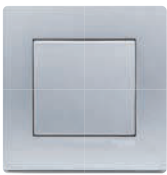
Ổ TV, mạng, điện thoại dòng Vivace

	Bộ ổ cắm TV đơn		Đóng gói 10/100	Đơn giá (VNĐ)
	KB31TV_WE	☐		162,800
	KB31TV_AS	☒		200,200
	Bộ ổ cắm điện thoại đơn		10/100	
	KB31TS_WE	☐		147,400
	KB31TS_AS	☒		173,800
	Bộ ổ cắm điện thoại đôi		10/100	
	KB32TS	☐		206,800
	KB32TS_AS	☒		271,700
	Bộ ổ cắm mạng cat5e đơn		10/100	
	KB31RJ5E_WE	☐		202,400
	KB31RJ5E_AS	☒		265,100
	Bộ ổ cắm mạng cat6 đơn		10/100	
	KB31RJ6_WE	☐		265,100
	KB31RJ6_AS	☒		342,100
	Bộ ổ cắm mạng cat6 đôi		8/80	
	KB32RJ6	☐		413,600
	KB32RJ6_AS	☒		493,900
	Bộ ổ cắm điện thoại và mạng cat5e		8/80	
	KB32TS_RJ5E	☐		326,700
	KB32TS_RJ5E_AS	☒		387,200

THAM KHẢO MÀU SẮC

☐ Mã_WE
Màu trắng

☒ Mã_AS
Màu xám bạc



Ổ cắm USB dòng Vivace

	Bộ ổ cắm sạc USB đơn 2.1A		Đóng gói 8/80	Đơn giá (VNĐ)
	KB31USB_WE_G19	☐		1,191,300
	KB31USB_AS_G19	☒		1,318,900
	Bộ ổ cắm sạc USB đôi 2.1A		8/80	
	KB32USB_WE_G19	☐		1,882,100
	KB32USB_AS_G19	☒		2,088,900
	Bộ ổ cắm đa năng và sạc USB đôi		8/48	
	KB42616USB_WE_G19	☐		1,804,000
	KB42616USB_AS_G19	☒		2,242,900

Dimmer dòng Vivace

	Dimmer điều chỉnh ánh sáng đèn 400W		Đóng gói 8/80	Đơn giá (VNĐ)
	KB31RD400_WE	☐		612,700
	KB31RD400_AS	☒		798,600
	Bộ công tắc điều chỉnh tốc độ quạt		10/100	
	KB31RF250_WE	☐		493,900
	KB31RF250_AS	☒		665,500

Thiết bị dành cho khách sạn dòng Vivace

	Bộ công tắc chuông "Không làm phiền", "Xin dọn phòng"		Đóng gói 8/80	Đơn giá (VNĐ)
	KB31BD_C_WE_G19	☐		452,100
	KB31BD_C_AS_G19	☒		585,200
	Bộ công tắc "Không làm phiền", "Xin dọn phòng"		8/80	
	KB32SDC_WE_G19	☐		375,100
	KB32SDC_AS_G19	☒		475,200
	Bộ công tắc chìa khóa thẻ		6/60	
	KB31EKT_WE	☐		1,200,100
	KB31EKT_AS	☒		1,320,000
	Bộ ổ cắm dao cạo râu		2/20	
	KBT727V_WE_G19	☐		1,823,800
	KBT727V_AS_G19	☒		2,050,400

Phụ kiện dòng Vivace

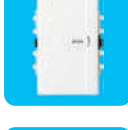
	Mặt che trơn đơn		Đóng gói 15/150	Đơn giá (VNĐ)
	KB30_WE_G19	☐		81,400
	KB30_AS_G19	☒		119,900

DÒNG CÔNG TẮC Ổ CẮM CONCEPT

Mặt cho dòng Concept

	Đóng gói	Đơn giá (VND)
	Mặt cho 1 thiết bị, size S A3001_G19	20/200 23,100
	Mặt cho 2 thiết bị, size S A3002_G19	20/200 23,100
	Mặt cho 3 thiết bị, size S A3000_G19	20/200 23,100
	Mặt cho 4 thiết bị, size S A3004T2_WE_G19	15/150 52,800
	Mặt cho 6 thiết bị A3000T2_G19	10/100 52,800
	Mặt che trơn A3030VX_G19	20/200 24,200
	Lỗi che cầu dao an toàn (Dùng với A3000_G19) A3001SB_WE_G19	10/100 14,300
	Mặt cho MCB 1 cực A3001MCB_WE_G19	15/150 26,400
	Mặt cho MCB 2 cực A3002MCB_WE_G19	15/150 26,400

Công tắc dòng Concept

	Đóng gói	Đơn giá (VND)
	Công tắc 1 chiều 16AX có dạ quang, size S 3031_1_2M_F_G19	12/60/600 29,700
	Công tắc 2 chiều 16AX có dạ quang, size S 3031_2_3M_F_G19	12/60/600 58,300
	Công tắc 1 chiều 16AX có dạ quang, size M 3031M1_2M_F_G19	8/40/400 72,600
	Công tắc 2 chiều 16AX có dạ quang, size M 3031M2_3M_F_G19	8/40/400 94,600
	Công tắc 1 chiều 16AX có dạ quang, size L 3031E1_2M_F_G19	4/20/200 84,700
	Công tắc 2 chiều 16AX có dạ quang, size L 3031E2_3M_F_G19	4/20/200 88,000
	Công tắc 1 chiều 16AX có đèn báo, size S 3031_1_2NM_G19	12/60/600 152,900
	Công tắc 2 cực 20A có đèn báo, size L 3031EMD20NM_G19	4/20/200 178,200
	Nút nhấn chuông, size L 3031EMBP2_3_G19	4/20/200 88,000
	Nút che trơn, size S 3030P_G19	24/120/1200 12,100

DÒNG CÔNG TẮC Ổ CẮM **CONCEPT**

Ổ cắm dòng Concept

	Ổ cắm đơn 2 chấu 10A 3426USM_G19	Đóng gói 12/60/600	Đơn giá (VNĐ) 47,300
	Ổ cắm đơn 3 chấu 16A 3426UESTM_G19	6/30/300	86,900
	Ổ cắm đôi 3 chấu 16A 3426UEST2M_G19	32/320	126,500
	Ổ cắm sạc USB 2.1A đơn 3031USB_WE	48/480	464,200
	Ổ cắm sạc USB 2.1A đôi 3032USB_WE	48/480	623,700

Ổ TV, mạng, điện thoại dòng Concept

	Ổ cắm anten TV 3031TV75MS_G19	Đóng gói 12/60/600	Đơn giá (VNĐ) 116,600
	Ổ cắm điện thoại 3031RJ64M_G19	12/60/600	105,600
	Ổ cắm mạng cat5e 3031RJ88SMA5_G19	12/48/480	233,200

Phụ kiện dòng Concept

	Công tắc điều chỉnh tốc độ quạt 3031V400FM_K_WE	Đóng gói 12/48	Đơn giá (VNĐ) 493,900
	Công tắc điều chỉnh độ sáng đèn 500W 3031V500M_K_WE	12/48	435,600
	Đèn báo đỏ 3031NRD_G19	12/60/600	89,100

Thiết bị dành cho khách sạn dòng Concept

	Bộ ổ cắm dao cạo râu A3727_WE	Đóng gói 1/20	Đơn giá (VNĐ) 1,663,200
	Công tắc thẻ A3031EKT_WE	8/80	1,087,900



Chuông điện và nút nhấn

Bộ chuông cửa cao cấp

- Nút nhấn có đèn LED định vị sáng trong

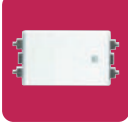
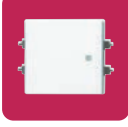
	Chuông điện 99AC220	366,300
	Nút nhấn chuông IP44, màu xám A3031WBP_GY_G19	308,000
	Nút nhấn chuông IP44, màu trắng A3031WBP_WE_G19	308,000

DÒNG CÔNG TẮC Ổ CẮM S-FLEXI

Mặt cho dòng S-Flexi

	Mặt cho 1 thiết bị, size S	Đóng gói 10/100	Đơn giá (VNĐ) 19,800
	Mặt cho 2 thiết bị, size S	10/100	19,800
	Mặt cho 3 thiết bị, size S	10/100	19,800
	Mặt cho 4 thiết bị, size S	15/150	48,400
	Mặt cho 6 thiết bị, size S	10/100	48,400
	Mặt cho 1 thiết bị, size M	10/100	19,800
	Nút che trơn có lỗ trống, size M	10/100	14,300
	Lỗ che cầu dao an toàn (Dùng với FG1053_WE)	40/400	17,600
	Mặt cho MCB 1 cực	10/100	25,300
	Mặt cho MCB 2 cực	10/100	25,300

Công tắc dòng S-Flexi

	Công tắc 1 chiều 16AX, size S	Đóng gói 36/360	Đơn giá (VNĐ) 19,800
	Công tắc 2 chiều 16AX, size S	36/360	50,600
	Công tắc 1 chiều 16AX, size M	20/200	39,600
	Công tắc 2 chiều 16AX, size M	20/200	51,700
	Công tắc 1 chiều 16AX, size L	36/360	46,200
	Công tắc 2 chiều 16AX, size L	36/360	58,300
	Công tắc 1 chiều 16AX, size XS	40/400	28,600
	Công tắc 2 chiều 16AX, size XS	40/400	42,900
	Nút nhấn chuông 10A, size L	12/120	68,200
	Nút che trơn, size XS	55/550	14,300

DÒNG CÔNG TẮC Ổ CẮM S-FLEXI

Ổ cắm dòng S-Flexi

	Ổ cắm đơn 2 chấu 10A, size S	Đóng gói 30/300	Đơn giá (VNĐ) 37,400
	Ổ cắm đơn 2 chấu 10A, size M	32/320	78,100
	Ổ cắm đơn 3 chấu 16A, size M	32/320	104,500
	Ổ cắm đơn đa năng 13A, size M	32/320	104,500
	Ổ cắm đôi 3 chấu 16A, size L	32/320	104,500

Ổ TV, mạng, điện thoại dòng S-Flexi

	Ổ cắm TV, size S	Đóng gói 30/300	Đơn giá (VNĐ) 78,100
	Ổ điện thoại, size S	30/300	92,400
	Ổ cắm mạng cat5e, size S	30/300	193,600
	Ổ cắm TV, size M	40/400	80,300
	Ổ điện thoại, size M	32/320	121,000
	Ổ cắm mạng cat5e, size M	24/240	223,300
	Ổ cắm mạng cat6, size M	24/240	256,300

Phụ kiện dòng S-Flexi

	Công tắc điều chỉnh tốc quạt 250W, size M	Đóng gói 16/160	Đơn giá (VNĐ) 269,500
	Công tắc điều chỉnh độ sáng đèn 400W, size M	16/160	231,000
	Đèn báo đỏ, size S	30/300	78,100

Phích cắm

	Phích cắm 2 chấu, 10A	Đóng gói 18/360	Đơn giá (VNĐ) 80,300
	Phích cắm 3 chấu, 16A	10/200	97,900
	Phích cắm 3 chấu, 13A, kiểu Anh	20/200	204,600
	Phích cắm 3 chấu, 15A, kiểu Anh	20/200	242,000

Ổ âm sàn

Ổ âm sàn chưa kèm thiết bị

	Ổ cắm âm sàn cho S-Flexi có đế âm, màu nhũ bạc	E224F_ABE	1,558,700
	Ổ cắm âm sàn cho S-Flexi có đế âm, màu nhũ vàng	E224F_BAS	1,962,400
	Ổ cắm âm sàn cho Concept có đế âm, màu nhũ bạc	CON224_ABE_G5	1,633,500

Giá trên đã bao gồm VAT

DÒNG CÔNG TẮC Ổ CẮM S-CLASSIC

Mặt cho dòng S-Classic

	Mặt cho 1 thiết bị 31AVH_G19	Đóng gói 30/300	Đơn giá (VNĐ) 33,000
	Mặt cho 2 thiết bị 32AVH_G19	30/300	33,000
	Mặt cho 3 thiết bị 33AVH_G19	30/300	33,000
	Mặt cho 4 thiết bị 34AVH_G19	30/300	59,400
	Mặt cho cầu dao an toàn 31AVMCB_G19	20/200	59,400

Công tắc dòng S-Classic

	Công tắc 1 chiều 10A E30_1M_D_G19	Đóng gói 20/100/1000	Đơn giá (VNĐ) 29,700
	Công tắc 2 chiều 30M_G19	20/100/1000	60,500
	Công tắc đơn 2 cực 20A 30MD20_WE_G19	10/160/320	189,200

Ổ cắm dòng S-Classic

	Bộ ổ cắm đơn 2 chấu 16A E426UST_G19	Đóng gói 15/150	Đơn giá (VNĐ) 75,900
	Bộ ổ cắm đôi 2 chấu 16A E426UST2CB_G19	15/150	146,300
	Bộ ổ cắm đơn 2 chấu 16A và 1 lỗ trống E426UX_G19	20/200	132,000
	Bộ ổ cắm đơn 3 chấu 16A E426UEST_G19	15/150	170,500
	Bộ ổ cắm đôi 3 chấu 16A E426UEST2_T_G19	15/150	195,800
	Bộ ổ cắm đôi 3 chấu 16A có công tắc E25UES_G19	20/200	264,000

Ổ TV, mạng, điện thoại dòng S-Classic

	Ổ cắm anten TV 30TV75MS_G19	Đóng gói 20/100/1000	Đơn giá (VNĐ) 103,400
	Ổ điện thoại DCV30MNUWT	20/400	140,800
	Ổ cắm mạng cat5e VDIB17355UWE	20/400	145,200

DÒNG CÔNG TẮC Ổ CẮM E30 & EMS

Ổ cắm dòng E30

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
 Bộ ổ cắm đơn 3 chấu 13A có công tắc, kiểu Anh	10/100	
E15R_WE_G19		205,700
 Bộ ổ cắm đôi 3 chấu 13A có công tắc, kiểu Anh	5/50	
E25R_WE_G19		572,000
 Bộ ổ cắm đôi 3 chấu 13A có công tắc đèn báo, kiểu Anh	5/50	
E25N_WE_G19		596,200

Công tắc mặt kim loại

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
 Bộ công tắc đơn 1 chiều 10A, mặt kim loại	5/50	
ESM31_1_2AR_G19		385,000
 Bộ công tắc đôi 1 chiều 10A, mặt kim loại	5/50	
ESM32_1_2AR_G19		449,900
 Bộ công tắc đơn 2 chiều 10A, mặt kim loại	5/50	
ESM31_2_3A_G19		437,800
 Bộ công tắc đôi 2 chiều 10A, mặt kim loại	5/50	
ESM32_2_3A_G19		482,900

Ổ cắm mặt kim loại

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
 Bộ ổ cắm đơn 3 chấu 13A có công tắc, mặt kim loại	5/50	
ESM15_G19		504,900
 Bộ ổ cắm đôi 3 chấu 13A có công tắc, mặt kim loại	5/50	
ESM25_G19		928,400

Mặt che phòng thấm nước

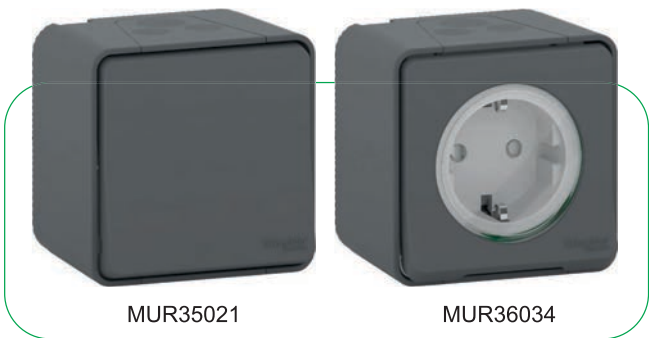
	Đơn giá (VNĐ)
 Mặt che phòng thấm nước cho dòng S-Flexi (không đế)	F3223HR_WE_G19 298,100
 Mặt che phòng thấm nước cho dòng S-Flexi, màu trắng (có đế)	F3223HSMR_WE_G19 468,600
 Mặt che phòng thấm nước cho dòng Concept (không đế)	A3223HR 403,700
 Mặt che phòng thấm nước cho dòng Concept, màu trắng (có đế)	A3223HSMR_G19 554,400
 Mặt che (không đế) phòng thấm nước mặt đơn cho ổ cắm, loại 1 gang, IP55	E223R_TR 514,800
 Mặt che (không đế) phòng thấm nước mặt đôi cho ổ cắm, loại 2 gang, IP55	ET223R_TR 545,600

Đế âm, đế nổi, hộp nổi

	Đơn giá (VNĐ)
 Đế âm đơn kim loại, 101x51x38mm	157 40,700
 Hộp nổi dùng cho mặt sê-ri 30	CK237 37,400

MUREVA

Được nhập khẩu từ **Ba Lan**
Chỉ số IP55 và IK08 giúp tối ưu
khả năng chịu đựng của Mureva
trong mọi điều kiện thời tiết
Lắp ráp **nhANH chóng và dễ dàng**



■ Bộ công tắc



	Bộ công tắc đơn hai chiều 10AX	Đơn giá (VNĐ)
MUR35021	419,100	
	Bộ công tắc đôi hai chiều 10AX	Đơn giá (VNĐ)
MUR35022	589,600	
	Bộ công tắc đơn hai chiều 10AX, có đèn LED	Đơn giá (VNĐ)
MUR35024	664,400	
	Bộ công tắc đơn hai cực 16AX	Đơn giá (VNĐ)
MUR35033	577,500	

■ Bộ ổ cắm



	Ổ cắm đơn 16A 2P+E	Đơn giá (VNĐ)
MUR36034	459,800	
	Ổ cắm đôi	Đơn giá (VNĐ)
MUR36029	1,148,400	
	Ổ cắm ba 16A 2P+E	Đơn giá (VNĐ)
MUR36038	1,838,100	
	Ổ cắm đơn có công tắc 10AX	Đơn giá (VNĐ)
MUR36024	872,300	

Lưu ý: Bộ sản phẩm Mureva phù hợp gắn nổi
Ổ cắm Mureva phù hợp với phích cắm chuẩn Schuko (2 chấu tròn)

ĐÈN PHA LED



THPS2655-105.jpg

Đèn pha LED

Mô tả sản phẩm

Đèn pha LED Mureva được thiết kế với nhiều tính năng nổi bật, kích thước đa dạng cùng với dải công suất lớn đáp ứng được mọi nhu cầu của khách hàng. Tất cả các sản phẩm đèn pha LED Mureva đều được trang bị công nghệ đèn LED hiện đại nhất với hiệu quả năng lượng tối ưu, chất lượng chiếu sáng vượt trội và tuổi thọ lâu dài. Đèn pha LED Mureva chưa bao gồm phích cắm.

Ứng dụng

Nhờ chỉ số phòng thấm nước IP cao, đèn pha LED Mureva thích hợp sử dụng trong mọi điều kiện thời tiết, trong nhà hay ngoài trời. Đèn pha LED Mureva đem lại chất lượng ánh sáng vượt trội, đáng tin cậy. Với hiệu suất vượt trội 100 lux/W giúp tối ưu hóa cho nhiều mục đích sử dụng với giá cả cạnh tranh, đồng thời đáp ứng các tiêu chuẩn nghiêm ngặt về hiệu quả và độ tin cậy trong các ứng dụng chiếu sáng hiện đại, tối ưu cho cả chiếu sáng thương mại lẫn dân dụng.



Lợi ích

- Giá đỡ thiết kế linh hoạt giúp lắp đặt dễ dàng
- Được sử dụng trong mọi điều kiện thời tiết, trong nhà hay ngoài trời
- Có thể treo và gắn vào tất cả các loại bề mặt kiến trúc, hoặc gắn lên khung đỡ
- Công nghệ đèn LED hiệu quả: 100lm/W
- Chip đèn LED với hiệu suất cao: tuổi thọ 50,000 giờ
- Không phát sinh nhiệt

Thông số kỹ thuật

- Góc chùm: 110°
- Chỉ số hoàn màu (CRI): 80
- Tuổi thọ: 50,000 giờ
- Nhiệt độ làm việc: -30°C đến +45°C



Chứng nhận



Dòng

Mureva FL, 230 V	Loại	Nhiệt độ màu	Công suất	Quang thông	Loại dây cáp	Cấp bảo vệ	Khối lượng	Mã sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)
 P148435-15.jpg	Mureva FL 20 W	4000 K	20 W	2,000 lm	0.5 m H05RN-F 3G1.0	IP65	530 g	IMT47208	579,700
	Mureva FL 20 W	6500 K	20 W	2,000 lm	0.5 m H05RN-F 3G1.0	IP65	530 g	IMT47209	579,700
	Mureva FL 30 W	4000 K	30 W	3,000 lm	0.5 m H05RN-F 3G1.0	IP65	780 g	IMT47210	785,400
	Mureva FL 30 W	6500 K	30 W	3,000 lm	0.5 m H05RN-F 3G1.0	IP65	780 g	IMT47211	785,400
	Mureva FL 50 W	4000 K	50 W	5,000 lm	0.5 m H05RN-F 3G1.0	IP65	1020 g	IMT47212	1,147,300
	Mureva FL 50 W	6500 K	50 W	5 000 lm	0.5 m H05RN-F 3G1.0	IP65	1020 g	IMT47213	1,147,300
	Mureva FL 100 W	4000 K	100 W	10,000 lm	0.5 m H05RN-F 3G1.0	IP65	1950 g	IMT47214	2,184,600
	Mureva FL 100 W	6500 K	100 W	10,000 lm	0.5 m H05RN-F 3G1.0	IP65	1950 g	IMT47215	2,184,600
 P148433-25.jpg	Mureva FL 150 W	6500 K	150 W	15,000 lm	0.5 m H05RN-F 3G1.0	IP65	4050 g	IMT47222	7,085,100
	Mureva FL 200 W	6500 K	200 W	20,000 lm	0.5 m H05RN-F 3G1.0	IP65	4900 g	IMT47223	7,830,900
	Mureva FL 300 W	6500 K	300 W	30,000 lm	0.5 m H05RN-F 3G1.0	IP65	7640 g	IMT47224	11,287,100

Mureva FL, IR Sensor 230 V



P148440-21.jpg

Mureva FL 20 W	4000 K	20 W	2,000 lm	0.5 m H05RN-F 3G1.0	IP44	570 g	IMT47216	1,232,000
Mureva FL 20 W	6500 K	20 W	2,000 lm	0.5 m H05RN-F 3G1.0	IP44	570 g	IMT47217	1,191,300
Mureva FL 30 W	4000 K	30 W	3,000 lm	0.5 m H05RN-F 3G1.0	IP44	820 g	IMT47218	1,401,400
Mureva FL 50 W	4000 K	50 W	5,000 lm	0.5 m H05RN-F 3G1.0	IP44	1060 g	IMT47220	1,797,400
Mureva FL 50 W	6500 K	50 W	5,000 lm	0.5 m H05RN-F 3G1.0	IP44	1060 g	IMT47221	1,797,400

Đèn pha LED chuyên dụng có thể sạc



148447-20.jpg

Đèn pin cầm tay Thorsman	6000-7000 K	3 W	280 lm	Cáp USB 1 m	IP20	175 g	IMT47238	954,800
--------------------------	-------------	-----	--------	-------------	------	-------	----------	---------



Giải pháp an toàn, tiết kiệm năng lượng cho tòa nhà thương mại, khu dân cư...

Bộ hẹn giờ công tắc đồng hồ CCT15101

Bộ hẹn giờ công tắc đồng hồ CCT15101 có thể lắp trên tường hoặc thanh ray chuẩn DIN, cho phép bạn dễ dàng cài đặt thời gian 24 giờ, cho nhiều ứng dụng khác nhau:

- Quản lý chiếu sáng khu vực lối đi và ngoài trời.
- Quản lý chiếu sáng theo các tình huống trong ngày.
- Quản lý chiếu sáng quảng cáo cho cửa hàng kinh doanh.
- Quản lý chiếu sáng sân vườn.
- Lập trình bơm nước cho hồ bơi, tưới tiêu...



Thông số kỹ thuật - Bộ hẹn giờ công tắc thời gian CCT15101

Điện áp hoạt động: 220 - 240 VAC	Pin dự trữ (tự sạc): 24H
Tần số hoạt động: 50 / 60 Hz	Độ chính xác: + / - 1s / ngày
Dòng điện định mức: 16A	Chu kỳ đếm thời gian: 24 giờ
Nhiệt độ làm việc: 0 - 45°C	Thời gian cài đặt tối thiểu: 15 phút / chu kỳ
Cấp độ bảo vệ: IP30	Tương thích với tải LED
Tiêu chuẩn: IEC 60730 - 2 - 7	Khoảng cách 50cm không nghe âm thanh đồng hồ hoạt động
Kích thước (DxRxH): 71.8x71.8x50.65mm	

Bộ hẹn giờ công tắc đồng hồ CCT15101 dễ dàng lắp đặt và sử dụng.

THIẾT BỊ MẠNG, BỘ HẸN GIỜ, CẢM BIẾN ĐỘ SÁNG
DÒNG Ổ CẮM KÉO DÀI THORSMAN



Loại gắn thanh ray
- Cảm biến rời

Gắn tường

Gắn mặt tủ



Tính năng

- Thiết kế hiện đại, dễ dàng mang vác và cuộn dây
- Đèn LED hiển thị nguồn điện ON/OFF
- An toàn với chức năng bảo vệ quá tải
- Kẹp cố định xoắn dây
- Dây cáp sử dụng chất liệu HO7 RNF cao cấp
- Tuân theo tiêu chuẩn NF EN 61242.
- An toàn, đáng tin cậy cho tất cả các nhu cầu sử dụng tại nhà hay công trình.

Bộ hẹn giờ 24H

15336	2,934,800
Hẹn giờ 24h, 1 kênh 16A, pin dự trữ 100h	
CCT15365	3,771,900
Hẹn giờ 24h, 1 kênh 16A, pin dự trữ 200h	
CCT15101	1,031,800
Bộ hẹn giờ analog 24h, 1 kênh, 16A, pin dự trữ 24H (pin tự sạc)	

Cảm biến hồng ngoại

Cảm biến hồng ngoại, 1 kênh, 2000W, 360 độ	Đơn giá (VNĐ)
SAE_UE_MS_CSAWE	1,768,800
Cảm biến hồng ngoại 1 kênh, 1000W, 360 độ, mini	
CCT56P001	1,782,000
Cảm biến hồng ngoại 2 kênh 1000W, 360 độ, mini	
CCT570003	3,312,100
Cảm biến hồng ngoại 1000W, 120 độ, ngoài trời	
CCT56P004	2,449,700
Cảm biến hồng ngoại & siêu âm, 1 kênh, 2000W	
CCT551011	5,644,100
Điều khiển từ xa dùng cho lập trình cho CCT551011	
CCT556011	977,900

Twilight switch - Cảm biến độ sáng

Cảm biến độ sáng 2-2000lux gắn tủ điện, tải 16A	
CCT15285	5,549,500
Cảm biến độ sáng 2-2000lux gắn tường, tải 16A	
CCT15369	7,053,200
Cảm biến độ sáng 3-2000lux gắn tường, tải 10A	
MTN544829	3,803,800

Ổ cắm kéo dài 15 mét



Mã hàng	IP	Tiết diện dây (mm)	Đơn giá (VNĐ)
IMT33136	44	1.5	2,674,100
IMT33137	20	1.5	2,492,600

Ổ cắm kéo dài 20 mét



Mã hàng	IP	Tiết diện dây (mm)	Đơn giá (VNĐ)
IMT33140	20	1.5	3,150,400

Ổ cắm kéo dài 25 mét



Mã hàng	IP	Tiết diện dây (mm)	Đơn giá (VNĐ)
IMT33148	44	2.5	7,352,400

Ổ cắm kéo dài 40 mét



Mã hàng	IP	Tiết diện dây (mm)	Đơn giá (VNĐ)
IMT33158	44	1.5	7,411,800

THIẾT BỊ ỔN ÁP (AVR) & Ổ CẮM CHỐNG SÉT

Thiết bị ổn áp (AVR)

Biến động điện áp có thể làm đèn nhấp nháy, các thiết bị điện bị sụt nguồn. Đôi khi, biến động điện áp không quan sát được bằng mắt thường nhưng vẫn làm các thiết bị điện hoạt động không hiệu quả hoặc giảm tuổi thọ của thiết bị. Bộ điều chỉnh điện áp tự động AVR (ổn áp) của APC giúp bạn giải quyết các vấn đề này.

Công dụng:

- Tự động điều chỉnh lên hoặc xuống điện áp phù hợp các thiết bị điện, điện tử
- Nâng cao tuổi thọ thiết bị
- Bảo vệ sốc điện

Ứng dụng:

- Dân dụng: bảo vệ thiết bị điện, điện tử trong gia đình: tivi, tủ lạnh, thiết bị giải trí, vv..
- Văn phòng: máy tính, máy in, máy photocopy, máy chủ, vv..

Mã hàng	Mô tả	Đơn giá
LSW500-IND	Ổn áp APC 500VA/250W; 3 ngõ ra	772,200
LSW800-IND	Ổn áp APC 800VA/400W; 3 ngõ ra	827,640
LSW1200-IND	Ổn áp APC 1200VA/600W; 3 ngõ ra	1,048,080
LSW2000-IND	Ổn áp APC 2000VA/1000W; 3 ngõ ra	1,709,400



Ổ cắm kéo dài chống sét lan truyền (surge protector)

Sét và xung điện có thể làm hư hỏng các thiết bị điện tử, mất dữ liệu và giảm tuổi thọ của thiết bị. Ổ cắm chống sét lan truyền sẽ bảo vệ thiết bị điện tử gia dụng và văn phòng của bạn tránh khỏi mối đe dọa do nhiễu loạn điện gây ra.



Mã hàng & mô tả	Đơn giá (VNĐ)
 1 ổ cắm PM1W-VN	369,380
 5 ổ cắm; 3 mét PM53U-VN	979,110
 6 ổ cắm; 3 mét PM63U-VN	1,291,565

Mã hàng & mô tả	Đơn giá (VNĐ)
 1 ổ cắm; 2 cổng sạc USB 2.4A PM1WU2-VN	764,060
 5 ổ cắm; 3 mét; 2 cổng sạc USB; 2.4A PM53U-VN	1,399,090
 6 ổ cắm; 3 mét; 2 cổng sạc USB; 2.4A PM63U-VN	1,736,845



Ổ cắm đầu ra chống xung điện



Màng chắn ngăn ngừa trẻ em



Đèn led hiển thị báo quá tải và tiếp đất



Dây nguồn 3m xoay 180°C



Khả năng chống xung sét
1836 Joules



Tích hợp cổng sạc USB

PHÍCH CẮM & Ổ CẮM CÔNG NGHIỆP SERIES PK

Phích Cắm Di Động - Plug

	Cấp độ	Số cực - Điện áp	Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	IP44	2P+E 230V	16A	PKE16M423	189,200
			32A	PKE32M423	347,600
		3P+E 400V	16A	PKE16M434	228,800
			32A	PKE32M434	399,300
		4P+E 400V	16A	PKE16M435	269,500
			32A	PKE32M435	411,400
	IP67	2P+E 230V	16A	PKE16M723	482,900
			32A	PKE32M723	646,800
			63A	81378	1,356,300
			125A	81390	3,151,500
		3P+E 400V	16A	PKE16M734	552,200
			32A	PKE32M734	689,700
			63A	81382	1,433,300
			125A	81394	3,254,900
		4P+E 400V	16A	PKE16M735	589,600
			32A	PKE32M735	752,400
			63A	81383	1,666,500
			125A	81395	3,336,300

Ổ Nối Di Động - Connectors

	Cấp độ	Số cực - Điện áp	Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	IP44	2P+E 230V	16A	PKF16M423	256,300
			32A	PKF32M423	382,800
		3P+E 400V	16A	PKF16M434	292,600
			32A	PKF32M434	456,500
		4P+E 400V	16A	PKF16M435	341,000
			32A	PKF32M435	569,800
	IP67	2P+E 230V	16A	PKF16M723	504,900
			32A	PKF32M723	713,900
			63A	81478	1,521,300
			125A	81490	4,154,700
		3P+E 400V	16A	PKF16M734	566,500
			32A	PKF32M734	773,300
			63A	81482	1,691,800
			125A	81494	4,459,400
		4P+E 400V	16A	PKF16M735	658,900
			32A	PKF32M735	841,500
			63A	81483	1,906,300
			125A	81495	4,444,000

PHÍCH CẮM & Ổ CẮM CÔNG NGHIỆP SERIES PK

Ổ Cắm Âm Dạng Thẳng
Straight Panel Mounted Socket

	Cấp độ	Số cực - Điện áp	Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	IP44	2P+E 230V	16A	PKF16G423	255,200
			32A	PKF32G423	389,400
		3P+E 400V	16A	PKF16G434	284,900
			32A	PKF32G434	413,600
		4P+E 400V	16A	PKF16G435	310,200
			32A	PKF32G435	471,900
	IP67	2P+E 230V	16A	PKF16G723	539,000
			32A	PKF32G723	698,500
			63A	81678	1,280,400
			125A	81690	3,226,300
		3P+E 400V	16A	PKF16G734	618,200
			32A	PKF32G734	750,200
			63A	81682	1,383,800
			125A	81694	3,295,600
		4P+E 400V	16A	PKF16G735	708,400
			32A	PKF32G735	797,500
			63A	81683	1,486,100
			125A	81695	3,741,100

Ổ Cắm Âm Dạng Nghiêng
Angle Panel Mounted Socket

	Cấp độ	Số cực - Điện áp	Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	IP44	2P+E 230V	16A	PKF16F423	255,200
			32A	PKF32F423	389,400
		3P+E 400V	16A	PKF16F434	284,900
			32A	PKF32F434	413,600
		4P+E 400V	16A	PKF16F435	310,200
			32A	PKF32F435	471,900
	IP67	2P+E 230V	16A	PKF16F723	539,000
			32A	PKF32F723	698,500
			63A	81278	1,241,900
			125A	81290	3,041,500
		3P+E 400V	16A	PKF16F734	599,500
			32A	PKF32F734	750,200
			63A	81282	1,454,200
			125A	81294	3,168,000
		4P+E 400V	16A	PKF16F735	708,400
			32A	PKF32F735	797,500
			63A	81283	1,486,100
			125A	81295	3,560,700

PHÍCH CẮM & Ổ CẮM CÔNG NGHIỆP DÒNG PK

Ổ Cắm Nổi
- Wall Mounted Socket

	Cấp độ	Số cực - Điện áp	Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	IP44	2P+E 230V	16A	PKF16W423	347,600
			32A	PKF32W423	569,800
		3P+E 400V	16A	PKF16W434	434,500
			32A	PKF32W434	632,500
		4P+E 400V	16A	PKF16W435	451,000
			32A	PKF32W435	624,800
	IP67	2P+E 230V	16A	PKF16W723	693,000
			32A	PKF32W723	929,500
			63A	81178	1,931,600
		3P+E 400V	16A	PKF16W734	767,800
			32A	PKF32W734	958,100
			63A	81182	2,000,900
			125A	81194	5,200,800
		4P+E 400V	16A	PKF16W735	888,800
			32A	PKF32W735	1,129,700
			63A	81183	2,321,000
			125A	81195	5,340,500

Ổ Nối Nhiều Ngã
- Multi Adapter

	Cấp độ	Số cực - Điện áp	Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	IP44	2P+E 230V	16A	PKZM403	1,816,100
	IP67	2P+E 230V	16A	PKZM703	2,201,100
	IP44	2P+E 230V	16A	PKZM409	2,282,500
	IP67	2P+E 230V	16A	PKZM709	2,753,300

CÔNG TẮC & Ổ CẮM PHÒNG THẨM NƯỚC DÒNG S56



S56P315RPGY



S56SO313GY



S56SW110GY



WHS20_GY



56C315GY



56E1

56E2

Phích Cắm - Plug, IP66

Số cực	Điện áp (V)	Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
3P	250V	10A	S56P310GY_G15	935,000
		13A	S56P313GY_G15	740,300
		15A	S56P315GY_G15	1,144,000
		15A	S56P315RPGY_G15	1,014,200
		20A	S56P320GY_G15	1,260,600
		32A	S56P332GY_G15	1,261,700
4P	500V	20A	S56P420GY_G15	1,345,300
		32A	S56P432GY_G15	1,689,600
5P	500V	20A	S56P520GY_G15	1,689,600
		32A	S56P532GY_G15	2,547,600

Công Tắc - Switch, IP66

1P	250V	10A	S56SW110GY	831,600
		20A	S56SW120GY	988,900
		32A	S56SW132GY	1,039,500
2P	500V	20A	S56SW220GY	1,210,000
		32A	S56SW232GY	1,117,600
		50A	S56SW250GY	1,441,000
		63A	S56SW263GY	1,441,000
3P	500V	10A	S56SW310GY	1,144,000
		16A	S56SW316GY	1,364,000
		20A	S56SW320GY	1,741,300
		32A	S56SW332GY	1,741,300
		50A	S56SW350GY	1,824,900
		63A	S56SW363GY	1,975,600

Hộp Đế - Mounting Enclosure, IP66

101x101x63	S56E1GY_G15	207,900
101x198x63	S56E2GY_G15	370,700

Ổ Cắm - Surface Socket, IP66

Số cực	Điện áp (V)	Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
3P	250V	10A	S56SO310GY	744,700
		13A	S56SO313GY	883,300
		15A	S56SO315GY	1,248,500
		15A	S56SO315RPGY	1,559,800
		20A	S56SO320GY	1,509,200
		32A	S56SO332GY	1,675,300
4P	500V	20A	S56SO420GY	2,057,000
		32A	S56SO432GY	2,014,100
5P	500V	20A	S56SO520GY	2,625,700
		32A	S56SO532GY	2,625,700

Ổ Cắm Có Công Tắc - Switched Socket, IP66

3P	250V	13A	S56C313GY	1,625,800
		15A	S56C315RPGY	2,149,400
		20A	S56C320GY	2,119,700
		32A	S56C332GY	2,920,500
4P	500V	20A	S56C420GY	3,066,800
		32A	S56C432GY	2,835,800
		50A	S56C450GY	3,411,100
5P	500V	20A	S56C520GY	5,522,000
		32A	S56C532GY	5,332,800

Ngắt Điện Phòng Thẩm Nước - Isolator, IP66

1P	250V	20A	WHS20_GY_G19	1,167,100
		35A	WHS35_GY_G19	1,245,200
		55A	WHS55_GY_G19	1,126,400
2P	440V	20A	WHD20_GY_G19	1,232,000
		35A	WHD35_GY_G19	1,299,100
		55A	WHD55_GY_G19	1,654,400
		63A	WHD63_GY_G19	1,656,600
3P	440V	20A	WHT20_GY_G19	1,299,100
		35A	WHT35_GY_G19	1,696,200
		55A	WHT55_GY_G19	1,947,000
		63A	WHT63_GY_G19	2,186,800
		80A	WHT80_GY_G19	3,537,600



Tủ điện E9



Thiết kế tinh tế | Dễ dàng lắp đặt
Nhập khẩu từ Nga

se.com/vn/vi/

Life Is On

Schneider
Electric

TỦ ĐIỆN DÂN DỤNG

Cấp độ bảo vệ IP40
Cấp độ chống va đập cơ khí IK07
Độ cách ly điện: Cấp 2
Đáp ứng tiêu chuẩn IEC 60695-2-11,
IEC 60439-3, IEC 60529,
EN 50102, IEC 60670-24



Tủ điện nhựa âm tường - Resi9 MP



Số module (18mm)	Kích thước (WxHxD)	Cửa trắng	Cửa mờ	Đơn giá (VNĐ)
4	150x252x98	MIP22104	MIP22104T	493,900
6	186x252x98	MIP22106	MIP22106T	545,600
8	222x252x98	MIP22108	MIP22108T	639,100
12	294x252x98	MIP22112	MIP22112T	910,800
18	402x252x98	MIP22118	MIP22118T	1,393,700
24	294x377x98	MIP22212	MIP22212T	1,535,600
36	294x502x98	MIP22312	MIP22312T	1,794,100

Tủ điện nhựa nổi - Resi9 MP



Số module (18mm)	Kích thước (WxHxD)	Cửa trắng	Cửa mờ	Đơn giá (VNĐ)
4	124x198x95	MIP12104	MIP12104T	482,900
6	160x198x95	MIP12106	MIP12106T	534,600
8	196x228x101.5	MIP12108	MIP12108T	639,100
12	268x228x101.5	MIP12112	MIP12112T	859,100
18	376x228x101.5	MIP12118	MIP12118T	1,393,700
24	268x353x102	MIP12212	MIP12212T	1,574,100
36	267x478x102	MIP12312	MIP12312T	1,848,000

Tủ điện nhựa âm tường - E9 (Được nhập khẩu từ Nga)



Số module (18mm)	Kích thước (WxHxD)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
4/8	208x222x92	EZ9E108S2F	258,500
8/12	280x222x92	EZ9E112S2F	300,300
14/18	398x252x102	EZ9E118S2F	698,500
16/24	300x345x100	EZ9E212S2F	916,300
24/36	300x470x103	EZ9E312S2F	1,296,900

Tủ điện kim loại Acti9



Số module (18mm)	Kích thước (WxHxD)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
4	221x244x98	A9HESN04	732,600
6	257x244x98	A9HESN06	892,100
8	293x244x98	A9HESN08	1,004,300
12	365x244x98	A9HESN12	1,332,100
16	437x244x98	A9HESN16	1,871,100



Acti9

Đẳng cấp, tính năng vượt trội.
Tuân theo các yêu cầu RoHS,
tiêu chuẩn REACH. Được thiết kế
với tính năng  và 

Easy9

Chất lượng, an toàn, giá cạnh tranh.
Được kiểm tra chất lượng bởi các
tổ chức quốc tế.
Đạt chứng chỉ quản lý chất lượng
ISO 9001 và môi trường ISO 14000.



Giải pháp an toàn tuyệt đối cho ngôi nhà của bạn

- Bảo vệ quá tải và ngắn mạch với MCB
- Bảo vệ chống sét lan truyền với SPD
- Bảo vệ dòng rò với RCCB
- Bảo vệ quá tải, ngắn mạch và dòng rò với RCBO

70% số vụ hỏa hoạn do
sự cố điện gây ra*

BẠN CÓ BIẾT

Ngắn mạch

Khi dây nóng và dây nguội chạm vào nhau làm phát sinh tia lửa điện

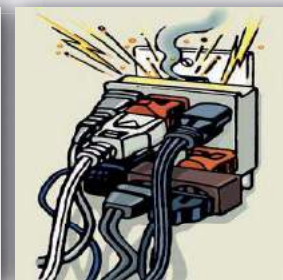
Ví dụ: Dây điện bị chuột cắn đứt vỏ, làm dây nóng chạm với dây nguội



Quá tải

Khi sử dụng các thiết bị điện với công suất lớn hơn công suất nguồn

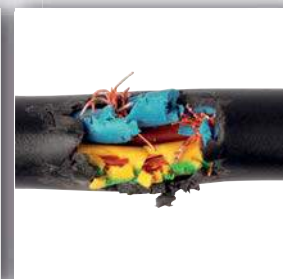
Ví dụ: Ổ cắm có dòng định mức 16A, ta cắm nhiều thiết bị cùng lúc dẫn đến ổ cắm bị quá tải, nóng lên rồi cháy



Dòng rò

Dòng điện bị rò rỉ ra ngoài vỏ thiết bị khi bộ cách điện hỏng hoặc dây dẫn điện bị bong tróc vỏ, đứt gãy

Ví dụ: Dây điện âm trong tường lâu năm bị nứt, khiến điện rò ra tường và nối đất



là những sự cố điện phổ biến nhất,
có thể gây hỏa hoạn hoặc giết chết người

CẦU DAO TỰ ĐỘNG EASY9 - MCB

Easy9

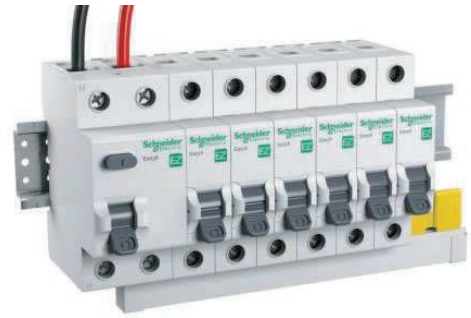
Chất lượng, an toàn, giá cạnh tranh.
Được kiểm tra chất lượng bởi
các tổ chức quốc tế.
Đạt chứng chỉ quản lý chất lượng
ISO 9001 và môi trường ISO 14000.

Cầu dao tự động Easy9 bao gồm các
chức năng:



Cách lựa chọn MCB:

Thiết bị	Công suất tiêu thụ	Dòng điện MCB (A)	Đường cong
 Máy lạnh	4.7 HP	16	"C"
	7.1 HP	20	
	9.5 HP	20	
	14 HP	25	
 Tủ lạnh	165 liters	2	
	285 liters	2	
 Máy xay sinh tố	200 W	1	"C"
 Máy hút bụi	50 W	0.5	
 Máy giặt	300 W	2	"C"
	1.3 KW	10	
 Máy photocopy	1.5 KW	10	"C"
 Máy nước nóng lạnh	500 W	3	



Easy9 MCB 1P, 4.5kA, 230V, C curve



Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
6A	EZ9F34106	93,500
10A	EZ9F34110	93,500
16A	EZ9F34116	93,500
20A	EZ9F34120	93,500
25A	EZ9F34125	93,500
32A	EZ9F34132	93,500
40A	EZ9F34140	135,300
50A	EZ9F34150	220,000
63A	EZ9F34163	220,000

Easy9 MCB 2P, 4.5kA, 230V, C curve



6A	EZ9F34206	265,100
10A	EZ9F34210	265,100
16A	EZ9F34216	265,100
20A	EZ9F34220	265,100
25A	EZ9F34225	265,100
32A	EZ9F34232	265,100
40A	EZ9F34240	265,100
50A	EZ9F34250	438,900
63A	EZ9F34263	438,900

Easy9 MCB 3P, 4.5kA, 400V, C curve



6A	EZ9F34306	471,900
10A	EZ9F34310	471,900
16A	EZ9F34316	471,900
20A	EZ9F34320	471,900
25A	EZ9F34325	471,900
32A	EZ9F34332	471,900
40A	EZ9F34340	471,900
50A	EZ9F34350	705,100
63A	EZ9F34363	705,100

Easy9 MCB 4P, 4.5kA, 400V, C curve



40A	EZ9F34440	665,500
50A	EZ9F34450	993,300
63A	EZ9F34463	993,300



Easy9 Slim RCBO



NÂNG CẤP AN TOÀN ĐIỆN CHO NGÔI NHÀ BẠN

Thay thế MCB 1 tép, bảo vệ quá tải, ngắn mạch và dòng rò

se.com/vn/vi/

Life Is On

Schneider
Electric

EASY9 RCCB, RCBO, SPD

Easy9 RCCB 2P/4P [AC type]

Cầu dao chống rò



Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
30mA 2P		
25A	EZ9R36225	909,700
40A	EZ9R36240	965,800
63A	EZ9R36263	1,013,100
30mA 4P		
25A	EZ9R36425	1,335,400
40A	EZ9R36440	1,427,800
63A	EZ9R36463	1,904,100
300mA 4P		
40A	EZ9R66440	1,375,000
63A	EZ9R66463	1,573,000

Easy9 RCBO 1P+N 4.5kA 30mA [AC type]

Cầu dao bảo vệ quá tải, ngắn mạch và chống rò



Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
10A	EZ9D34610	808,500
16A	EZ9D34616	808,500
20A	EZ9D34620	808,500
25A	EZ9D34625	947,100
32A	EZ9D34632	947,100
40A	EZ9D34640	947,100

Easy9 Slim RCBO 1P+N 4.5kA 30mA (AC type)

Cầu dao bảo vệ quá tải, ngắn mạch và chống rò



Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
6A	EZ9D33606	827,200
10A	EZ9D33610	827,200
16A	EZ9D33616	827,200
20A	EZ9D33620	827,200
25A	EZ9D33625	966,900
32A	EZ9D33632	966,900

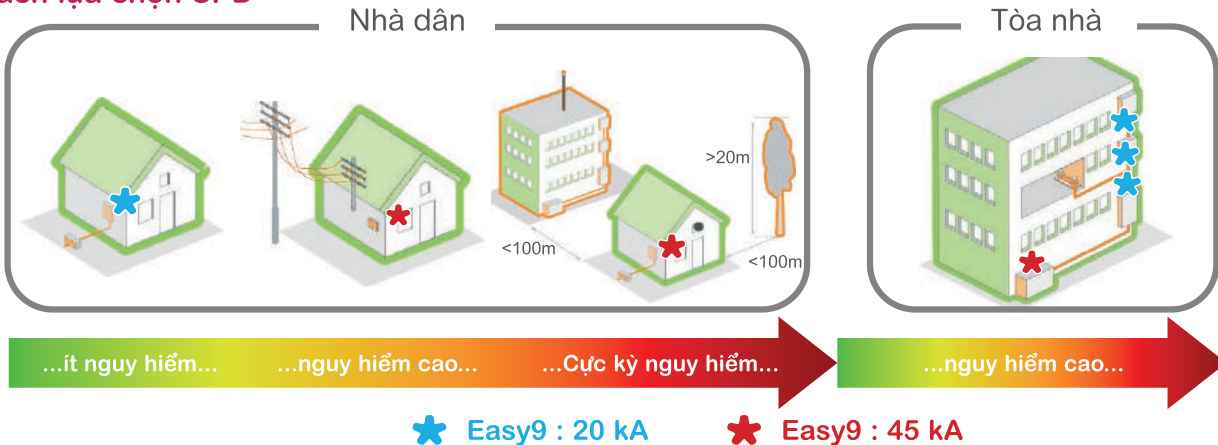
Easy9 SPD Chống sét lan truyền - Loại 2



Dòng điện	I _{max} (8/20μs)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
1P+N	20kA	EZ9L33620	1,087,900
3P+N	20kA	EZ9L33720	1,871,100
3P+N	45kA	EZ9L33745	1,940,400

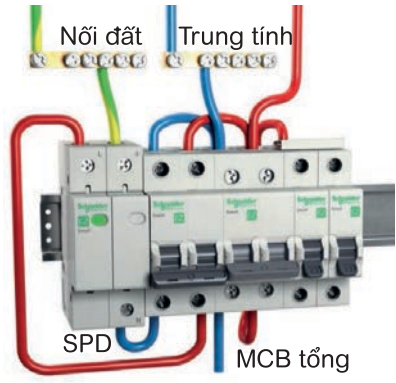
Giá trên đã bao gồm VAT

Cách lựa chọn SPD

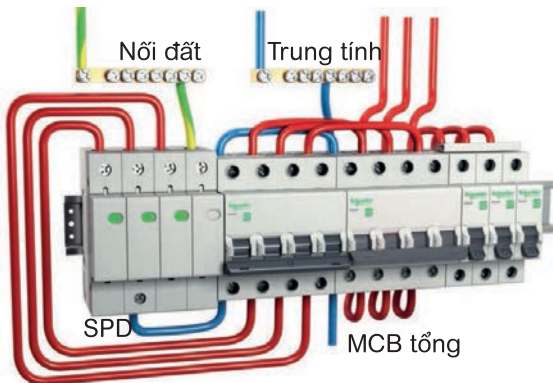


Cách lắp đặt SPD

Mạng điện 1 pha



Mạng điện 3 pha



*Dây tiếp địa có tiết diện dây nhỏ nhất 4mm².

Khi khoảng cách từ SPD đến thiết bị bảo vệ >10m nên lắp đặt thêm 1 SPD

Giá trên đã bao gồm VAT

Life is On | Schneider Electric

CẦU DAO TỰ ĐỘNG ACTI9 MCB iK60N & iC60N

Acti9

Đăng cấp, tính năng vượt trội



Tính năng **VisiTrip** với cửa sổ màu đỏ báo hiệu đóng ngắt do sự cố.

Tính năng **VisiSafe** với dây màu xanh báo hiệu các tiếp điểm đã mở hoàn toàn



iK60N MCB 1P, 6kA, 230V, C curve



Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
6A	A9K27106	178,200
10A	A9K27110	178,200
16A	A9K27116	178,200
20A	A9K27120	178,200
25A	A9K27125	178,200
32A	A9K27132	178,200
40A	A9K24140	217,800
50A	A9K24150	264,000
63A	A9K24163	264,000

iK60N MCB 2P, 6kA, 230V, C curve



6A	A9K27206	497,200
10A	A9K27210	497,200
16A	A9K27216	497,200
20A	A9K27220	497,200
25A	A9K27225	497,200
32A	A9K27232	497,200
40A	A9K24240	597,300
50A	A9K24250	834,900
63A	A9K24263	834,900

iK60N MCB 3P, 6kA, 400V, C curve



6A	A9K24306	809,600
10A	A9K24310	809,600
16A	A9K24316	809,600
20A	A9K24320	809,600
25A	A9K24325	809,600
32A	A9K24332	809,600
40A	A9K24340	918,500
50A	A9K24350	1,170,400
63A	A9K24363	1,170,400

iK60N MCB 4P, 6kA, 400V, C curve



6A	A9K24406	1,256,200
10A	A9K24410	1,256,200
16A	A9K24416	1,256,200
20A	A9K24420	1,256,200
25A	A9K24425	1,256,200
32A	A9K24432	1,256,200
40A	A9K24440	1,742,400
50A	A9K24450	1,742,400
63A	A9K24463	1,742,400

iC60N MCB 1P, 6kA, 230V, C curve



Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
6A	A9F74106	211,200
10A	A9F74110	211,200
16A	A9F74116	211,200
20A	A9F74120	211,200
25A	A9F74125	211,200
32A	A9F74132	251,900
40A	A9F74140	251,900
50A	A9F74150	358,600
63A	A9F74163	358,600

iC60N MCB 2P, 6kA, 230V, C curve



6A	A9F74206	583,000
10A	A9F74210	583,000
16A	A9F74216	583,000
20A	A9F74220	583,000
25A	A9F74225	583,000
32A	A9F74232	619,300
40A	A9F74240	699,600
50A	A9F74250	1,034,000
63A	A9F74263	1,034,000

iC60N MCB 3P, 6kA, 400V, C curve



6A	A9F74306	883,300
10A	A9F74310	883,300
16A	A9F74316	883,300
20A	A9F74320	883,300
25A	A9F74325	883,300
32A	A9F74332	883,300
40A	A9F74340	1,034,000
50A	A9F74350	1,455,300
63A	A9F74363	1,455,300

iC60N MCB 4P, 6kA, 400V, C curve



6A	A9F74406	1,329,900
10A	A9F74410	1,329,900
16A	A9F74416	1,329,900
20A	A9F74420	1,329,900
25A	A9F74425	1,329,900
32A	A9F74432	1,497,100
40A	A9F74440	1,692,900
50A	A9F74450	2,248,400
63A	A9F74463	2,248,400

CẦU DAO TỰ ĐỘNG ACTI9 - MCB iC60H & iC60L

- Dùng trong mạng lưới dân dụng hoặc công nghiệp.
- Tiêu chuẩn IEC 60898, IEC 60947-2
- Điện áp thử nghiệm xung (Uimp) : 6kV
- Đường cong loại C (Đường cong loại B, D xin liên hệ)

Tiêu chuẩn				IEC 947-2				IEC 898	
1P		100 to 133V		220 to 240V		-		230V	
2,3,4P		220 to 240V		380 to 415V		440V		400V	
MCB		iC60H	iC60L	iC60H	iC60L	iC60H	iC60L	iC60H	iC60L
Dòng điện	0,5 to 4A	70kA	100kA	70kA	100kA	50kA	70kA	10kA	15kA
	6 to 25A	30kA	-	15kA	25kA	10kA	20kA	10kA	15kA
	32/40A	30kA	-	15kA	20kA	10kA	15kA	10kA	15kA
	50/63A	-		15kA	15kA	10kA	10kA	10kA	15kA

iC60H, 1P, 10kA, 230V, C curve



Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
6A	A9F84106	385,000
10A	A9F84110	385,000
16A	A9F84116	385,000
20A	A9F84120	385,000
25A	A9F84125	385,000
32A	A9F84132	385,000
40A	A9F84140	469,700
50A	A9F84150	634,700
63A	A9F84163	634,700

iC60L, 1P, 15kA, 230V, C curve



Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
6A	A9F94106	579,700
10A	A9F94110	579,700
16A	A9F94116	579,700
20A	A9F94120	579,700
25A	A9F94125	579,700
32A	A9F94132	612,700
40A	A9F94140	716,100
50A	A9F94150	1,005,400
63A	A9F94163	1,005,400

iC60H, 2P, 10kA, 230V, C curve



6A	A9F84206	1,289,200
10A	A9F84210	1,289,200
16A	A9F84216	1,289,200
20A	A9F84220	1,289,200
25A	A9F84225	1,459,700
32A	A9F84232	1,459,700
40A	A9F84240	1,607,100
50A	A9F84250	2,180,200
63A	A9F84263	2,180,200

iC60L, 2P, 15kA, 230V, C curve



6A	A9F94206	1,575,200
10A	A9F94210	1,575,200
16A	A9F94216	1,575,200
20A	A9F94220	1,575,200
25A	A9F94225	1,575,200
32A	A9F94232	1,685,200
40A	A9F94240	1,840,300
50A	A9F94250	2,272,600
63A	A9F94263	2,272,600

iC60H, 3P, 10kA, 400V, C curve



6A	A9F84306	1,996,500
10A	A9F84310	1,996,500
16A	A9F84316	1,996,500
20A	A9F84320	1,996,500
25A	A9F84325	2,190,100
32A	A9F84332	2,190,100
40A	A9F84340	2,440,900
50A	A9F84350	3,341,800
63A	A9F84363	3,341,800

iC60L, 3P, 15kA, 400V, C curve



6A	A9F94306	2,069,100
10A	A9F94310	2,069,100
16A	A9F94316	2,069,100
20A	A9F94320	2,069,100
25A	A9F94325	2,284,700
32A	A9F94332	2,284,700
40A	A9F94340	2,597,100
50A	A9F94350	3,513,400
63A	A9F94363	3,513,400

iC60H, 4P, 10kA, 400V, C curve



6A	A9F84406	2,763,200
10A	A9F84410	2,763,200
16A	A9F84416	2,763,200
20A	A9F84420	2,763,200
25A	A9F84425	3,016,200
32A	A9F84432	3,016,200
40A	A9F84440	3,642,100
50A	A9F84450	4,453,900
63A	A9F84463	4,453,900

iC60L, 4P, 15kA, 400V, C curve



6A	A9F94406	2,977,700
10A	A9F94410	2,977,700
16A	A9F94416	2,977,700
20A	A9F94420	2,977,700
25A	A9F94425	2,977,700
32A	A9F94432	3,355,000
40A	A9F94440	3,620,100
50A	A9F94450	4,665,100
63A	A9F94463	4,665,100

Giá trên đã bao gồm VAT

CẦU DAO TỰ ĐỘNG ACTI9 - MCB C120N & C120H

- Dùng trong mạng lưới dân dụng hoặc công nghiệp.
- Tiêu chuẩn IEC 60898, IEC 60947-2
- Điện áp thử nghiệm xung (Uimp) : 6kV
- Đường cong loại C (Đường cong loại B, D xin liên hệ)

Tiêu chuẩn	Loại	Điện áp (VAC)	C120N Icu(kA)	C120H Icu(kA)
As IEC898	1P	230/240	10	15
	2,3,4P	400/415	10	15
As IEC947-2	1P	220/240	10	15
	2,3,4P	220/240	20	30
		380/415	10	15

C120N, 1P, 10kA, 230V, C curve



Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
80A	A9N18357	1,301,300
100A	A9N18358	1,403,600
125A	A9N18359	1,491,600

C120H, 1P, 15kA, 230V, C curve



Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
80A	A9N18446	1,403,600
100A	A9N18447	1,505,900
125A	A9N18448	1,606,000

C120N, 2P, 10kA, 230V, C curve



80A	A9N18361	2,728,000
100A	A9N18362	2,945,800
125A	A9N18363	3,161,400

C120H, 2P, 15kA, 230V, C curve



80A	A9N18457	2,869,900
100A	A9N18458	3,084,400
125A	A9N18459	3,315,400

C120N, 3P, 10kA, 400V, C curve



80A	A9N18365	4,104,100
100A	A9N18367	4,308,700
125A	A9N18369	4,424,200

C120H, 3P, 15kA, 400V, C curve



80A	A9N18468	4,436,300
100A	A9N18469	4,653,000
125A	A9N18470	4,730,000

C120N, 4P, 10kA, 400V, C curve



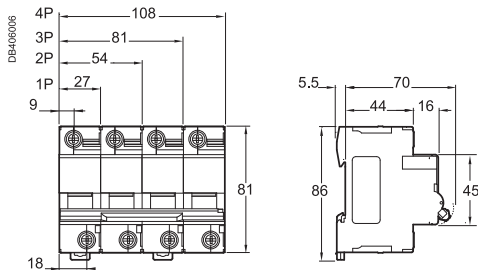
80A	A9N18372	5,163,400
100A	A9N18374	5,316,300
125A	A9N18376	5,648,500

C120H, 4P, 15kA, 400V, C curve



80A	A9N18479	5,583,600
100A	A9N18480	5,749,700
125A	A9N18481	6,107,200

Kích thước (mm)



CẦU DAO TỰ ĐỘNG ACTI9 - RCCB, RCBO, SPD
THIẾT BỊ CHỐNG SÉT LAN TRUYỀN ACTI9

iIDK 2P



iID 4P



RCBO 1P+N



Acti9 - RCCB

Cầu dao chống dòng rò

Acti9 - RCBO

Cầu dao bảo vệ quá tải,
ngắn mạch và chống dòng rò

iPRD1 - 1P+N



iPRD - 1P



iPF K - 1P+N



Thiết bị chống sét lan truyền (SPD)

iID K - 30mA, 240-415 V, AC Type



Số cực	Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
2P	25A	A9R50225	1,389,300
2P	40A	A9R50240	1,463,000
4P	25A	A9R50425	2,251,700
4P	40A	A9R50440	2,376,000
4P	63A	A9R70463	4,027,100

iID - 30mA, 240-415V, AC Type



2P	25A	A9R71225	1,675,300
2P	40A	A9R71240	1,763,300
2P	63A	A9R71263	3,012,900
2P	100A	A9R11291	4,965,400
4P	40A	A9R71440	2,839,100
4P	63A	A9R71463	4,825,700

iID - 300mA, 240-415V, AC Type



2P	25A	A9R74225	1,851,300
2P	40A	A9R74240	2,026,200
2P	63A	A9R74263	2,113,100
4P	40A	A9R74440	2,777,500
4P	63A	A9R74463	3,375,900
4P	100A	A9R14491	5,564,900

RCBO - 1P+N, 6kA, 30mA



Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
6A	A9D31606	2,213,200
10A	A9D31610	2,213,200
16A	A9D31616	2,213,200
20A	A9D31620	2,213,200
25A	A9D31625	2,429,900
32A	A9D31632	2,429,900
40A	A9D31640	2,429,900

SPD Acti9 - iPRD1, loại 1 + 2, Draw-out



iPRD loại 2, 1P/1P+N, 230V, Draw-out

1P	12.5 (L-N)/50 (N-PE)	A9L16182	4,066,700
1P+N	12.5 (L-N)/50 (N-PE)	A9L16282	8,028,900
3P	12.5	A9L16382	11,272,800
3P+N	12.5 (L-N)/50 (N-PE)	A9L16482	14,516,700

SPD Acti9 - iPRD, loại 2, Draw-out

Số cực	I _{max} (kA) (8/20μs)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
--------	-----------------------------------	---------	---------------

iPRD loại 2, 1P/1P+N, 230V, Draw-out

1P	20kA	A9L20100	2,317,700
1P	40kA	A9L40100	2,470,600
1P	65kA	A9L65101	3,037,100
1P+N	8kA	A9L08500	3,242,800
1P+N	20kA	A9L20500	3,862,100
1P+N	40kA	A9L40500	4,131,600
1P+N	65kA	A9L65501	5,393,300

iPRD loại 2, 3P+N, 400V, Draw-out

3P+N	20kA	A9L20600	7,708,800
3P+N	40kA	A9L40600	8,868,200
3P+N	65kA	A9L65601	10,719,500

SPD Acti9 - iPF K, loại 2, Fixed

Số cực	I _{max} (kA) (8/20μs)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
--------	-----------------------------------	---------	---------------

iPF K loại 2, 1P, 230V, Fixed

1P	20kA	A9L15691	2,125,200
1P	40kA	A9L15686	2,264,900

iPF K loại 2, 1P+N, 230V, Fixed

1P+N	20kA	A9L15692	3,539,800
1P+N	40kA	A9L15687	3,784,000

iPF K loại 2, 3P+N, 400V, Fixed

3P+N	20kA	A9L15693	7,143,400
3P+N	40kA	A9L15688	8,571,200
3P+N	65kA	A9L15586	8,661,400

KHỞI ĐỘNG TỪ VÀ RƠ LE ĐIỀU KHIỂN ACTI9

iCT 25A 1P



iCT 25A 3P



iTL 2P



Khởi động từ Acti9 iCT

Rơ le điều khiển bằng tín hiệu xung

■ Contactor iCT, 1P, điện áp cuộn dây 230/240VAC

Loại	Dòng điện (A)	Số mô-đun 9mm	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
1NO	25	2	A9C20731	922,900

■ Contactor iCT, 2P, điện áp cuộn dây 24VAC

2NO	25	2	A9C20132	1,210,000
-----	----	---	----------	-----------

■ Contactor iCT, 2P, điện áp cuộn dây 230/240VAC

1NO+1NC	16	2	A9C22715	1,079,100
2NO	16	2	A9C22712	1,027,400
2NO	25	2	A9C20732	1,404,700
2NC	25	2	A9C20736	1,157,200
2NO	40	4	A9C20842	1,689,600
2NO	63	4	A9C20862	2,534,400
2NO	100	6	A9C20882	6,861,800

■ Contactor iCT, 3P, điện áp cuộn dây 230/240VAC

Loại	Dòng điện (A)	Width in mod. of 9mm	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
3NO	25	4	A9C20833	1,272,700
3NO	40	6	A9C20843	2,027,300
3NO	63	6	A9C20863	3,041,500

■ Contactor iCT, 4P, điện áp cuộn dây 24VAC

4NO	25	4	A9C20134	1,702,800
-----	----	---	----------	-----------

■ Contactor iCT, 4P, điện áp cuộn dây 230/240VAC

4NO	25	4	A9C20834	1,481,700
4NC	25	4	A9C20837	1,689,600
2NO+2NC	25	4	A9C20838	1,585,100
4NO	40	6	A9C20844	2,249,500
4NO	63	6	A9C20864	3,379,200
2NO+2NC	63	6	A9C20868	3,808,200
4NO	100	12	A9C20884	9,604,100

■ Rơ le Acti9 điều khiển bằng tín hiệu xung, iTL, ON-OFF switch

Loại	Dòng điện (A)	Số cực	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
1NO	16	1P	A9C30811	524,700
2NO	16	2P	A9C30812	864,600
1NO	32	1P	A9C30831	953,700

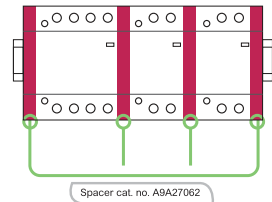
■ Rơ le Acti 9 điều khiển bằng tín hiệu xung, iTLI, changeover switch

Loại	Dòng điện (A)	Số cực	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
1NO + 1NC	16	1P	A9C30815	1,168,200

■ Phụ kiện của iCT - tấm cách giữa 2 contactor (lotsize: 5 cái)

Số mô-đun 9mm	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
1	A9A27062	409,200

Phải sử dụng vách ngăn giữa các contactor khi contactor được sử dụng trong tủ có nhiệt độ từ 50° và 60°C



Ứng dụng Công nghiệp: IEC 60947.4 Dân dụng: IEC 61095

Động cơ	AC3	AC7b
Đốt nóng	AC1	AC7a
Chiếu sáng	AC5a and b	AC5a and b

MCCB - EasyPact EZS100E/F

- Bảo vệ bằng trip từ nhiệt TMD
- Trip unit loại fix (không chỉnh định)
- Lắp đặt kiểu cố định
- Dùng chung một vài phụ kiện với EZC100



(mm)	3P	4P
Rộng (W)	75	100
Cao (H)	130	130
Sâu (D)	60	60

EZS100E 3P (25kA @380/415V)



Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
16	EZS100E3016	1,728,100
20	EZS100E3020	1,728,100
25	EZS100E3025	1,728,100
32	EZS100E3032	1,728,100
40	EZS100E3040	1,728,100
50	EZS100E3050	1,728,100
63	EZS100E3063	1,728,100
80	EZS100E3080	1,728,100
100	EZS100E3100	1,728,100

EZS100E 4P (25kA @380/415V)



Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
16	EZS100E4016	2,332,000
20	EZS100E4020	2,332,000
25	EZS100E4025	2,332,000
32	EZS100E4032	2,332,000
40	EZS100E4040	2,332,000
50	EZS100E4050	2,332,000
63	EZS100E4063	2,332,000
80	EZS100E4080	2,332,000
100	EZS100E4100	2,332,000

EZS100F 3P (30kA @380/415V)



Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
16	EZS100F3016	1,939,300
20	EZS100F3020	1,939,300
25	EZS100F3025	1,939,300
32	EZS100F3032	1,939,300
40	EZS100F3040	1,939,300
50	EZS100F3050	1,939,300
63	EZS100F3063	2,066,900
80	EZS100F3080	2,066,900
100	EZS100F3100	2,066,900

EZS100F 4P (30kA @380/415V)



Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
16	EZS100F4016	2,425,500
20	EZS100F4020	2,425,500
25	EZS100F4025	2,425,500
32	EZS100F4032	2,425,500
40	EZS100F4040	2,425,500
50	EZS100F4050	2,425,500
63	EZS100F4063	2,425,500
80	EZS100F4080	2,425,500
100	EZS100F4100	2,425,500

Phụ Kiện EZS100

Mô tả	Điện áp (Vac)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Tiếp điểm cảnh báo (AL)		EZAUX01	896,500
Tiếp điểm phụ (AX)		EZAUX10	896,500
Tiếp điểm phụ + cảnh báo (AX + AL)		EZAUX11	1,494,900
Cuộn cắt (SHT)	100 - 130V	EZASHT100AC	1,697,300
	200 - 277V	EZASHT200AC	1,697,300
Cuộn thấp áp (UVR)	200 - 240V	EZAUVR200AC	2,196,700
Tấm chắn pha		EZAFASB2	149,600
Che đầu cực	3P	EZATSHD3P	258,500
	4P	EZATSHD4P	550,000
Tay nắm xoay trực tiếp (màu đen)		EZAROTDS	1,349,700
Tay nắm xoay kéo dài (màu đen)		EZAROTE	2,336,400

MCCB - EasyPact EZS160/250E/F EZS400/630F/N

- Bảo vệ bằng trip từ nhiệt TMD
- Trip unit loại fix (không chỉnh định)
- Lắp đặt kiểu cố định
- Dùng chung một vài phụ kiện với CVS

	EZS100/160		EZS400/6300	
(mm)	3P	4P	3P	4P
Rộng (W)	105	140	140	185
Cao (H)	161	161	255	255
Sâu (D)	86	86	110	110

■ EZS160E/250E 3P (25kA @380/415V) NEW



Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
100	EZS160E3100	2,578,400
125	EZS160E3125	2,802,800
160	EZS160E3160	3,362,700
200	EZS250E3200	4,251,500
225	EZS250E3225	4,251,500
250	EZS250E3250	4,251,500

■ EZS160E/250E 4P (25kA @380/415V) NEW

Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
100	EZS160E4100	3,027,200
125	EZS160E4125	3,784,000
160	EZS160E4160	4,540,800
200	EZS250E4200	5,740,900
225	EZS250E4225	5,740,900
250	EZS250E4250	5,740,900

■ EZS160F/250F 3P (36kA @380/415V) NEW



Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
100	EZS160F3100	2,810,500
125	EZS160F3125	3,055,800
160	EZS160F3160	3,666,300
200	EZS250F3200	4,635,400
225	EZS250F3225	4,635,400
250	EZS250F3250	4,635,400

■ EZS160F/250F 4P (36kA @380/415V) NEW

Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
100	EZS160F4100	3,300,000
125	EZS160F4125	4,123,900
160	EZS160F4160	4,950,000
200	EZS250F4200	6,256,800
225	EZS250F4225	6,256,800
250	EZS250F4250	6,256,800

■ EZS400F/630F 3P (36kA @380/415V) NEW



Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
315	EZS400F3315	6,897,000
350	EZS400F3350	6,897,000
400	EZS400F3400	6,897,000
500	EZS630F3500	9,150,900
600	EZS630F3600	9,150,900

■ EZS400F/630F 4P (36kA @380/415V) NEW

Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
315	EZS400F4315	9,310,400
350	EZS400F4350	9,310,400
400	EZS400F4400	9,310,400
500	EZS630F4500	12,354,100
600	EZS630F4600	12,354,100

■ EZS400N/630N 3P (50kA @380/415V) NEW



Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
315	EZS400N3315	7,465,700
350	EZS400N3350	7,465,700
400	EZS400N3400	7,465,700
500	EZS630N3500	9,906,600
600	EZS630N3600	9,906,600

■ EZS400N/630N 4P (50kA @380/415V) NEW

Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
315	EZS400N4315	9,807,600
350	EZS400N4350	9,807,600
400	EZS400N4400	9,807,600
500	EZS630N4500	13,372,700
600	EZS630N4600	13,372,700

Phụ kiện

Tiếp điểm phụ OF/SD	
Cuộn cắt MX	110-130 Vac
	220-240 Vac
	24Vdc
Cuộn thấp áp MN	110-130 Vac
	220-240 Vac
	24Vdc
Tấm chắn pha (6 cái)	

EZS160/250 Phụ kiện

29450	932,800
LV429386	1,949,200
LV429387	2,026,200
LV429390	2,026,200
LV429406	2,096,600
LV429407	2,938,100
LV429410	2,044,900
LV429329	462,000

EZS400/630 Phụ kiện

29450	932,800
LV429386	1,949,200
LV429387	2,026,200
LV429390	2,026,200
LV429406	2,096,600
LV429407	2,938,100
LV429410	2,044,900
LV432570	647,900

ACB - EasyPact EVS 800-4000A

- Bảo vệ bằng trip điện tử ET
 - Trip unit chỉnh định từ 0.4 -1
 - Lắp đặt kiểu cố định/ rút kéo
 - Dùng chung một vài phụ kiện với EasyPact MVS
- Ui: 1000Vac
Ue: 690Vac
Icu: 65kA@440Vac
Icu = Ics = Icw @1s

EasyPact EVS Fix type 65KA with Trip System ET2I

NEW



3P			4P		
Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)	
800	EVS08H3MF20	75,538,100	EVS08H4MF20	86,256,500	
1000	EVS10H3MF20	77,064,900	EVS10H4MF20	90,327,600	
1250	EVS12H3MF20	78,931,600	EVS12H4MF20	96,127,900	
1600	EVS16H3MF20	81,375,800	EVS16H4MF20	97,650,300	
2000	EVS20H3MF20	90,902,900	EVS20H4MF20	108,467,700	
2500	EVS25H3MF20	103,346,100	EVS25H4MF20	115,006,100	
3200	EVS32H3MF20	119,647,000	EVS32H4MF20	141,593,100	
4000	EVS40H3MF20	188,336,500	EVS40H4MF20	229,895,600	

EasyPact EVS Drawout type 65KA with Trip System ET 2I

NEW



Trip Unit ET2I

3P			4P		
Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)	
800	EVS08H3MW20	95,216,000	EVS08H4MW20	104,687,000	
1000	EVS10H3MW20	95,767,100	EVS10H4MW20	106,877,100	
1250	EVS12H3MW20	99,278,300	EVS12H4MW20	110,187,000	
1600	EVS16H3MW20	105,595,600	EVS16H4MW20	112,580,600	
2000	EVS20H3MW20	116,724,300	EVS20H4MW20	131,541,300	
2500	EVS25H3MW20	123,719,200	EVS25H4MW20	138,070,900	
3200	EVS32H3MW20	138,729,800	EVS32H4MW20	163,423,700	
4000	EVS40H3MW20	273,396,200	EVS40H4MW20	339,007,900	

EASYPACT EVS ACCESSORIES

Phụ kiện để điều khiển từ xa và phụ kiện chassis
Auxiliaries for remote operation & chassis accessories

Auxiliaries for remote operation & chassis accessories.



Electrical auxiliaries for Easypact EVS			FIXED		DRAWOUT	
Description		Voltage	Reference	Unit Price	Reference	Unit Price
Motor mechanism (MCH)		220 VAC	48212	26,892,800	48527	28,776,000
		380/480 VAC	48214	26,892,800	48529	27,431,800
		24 VDC	48206	26,892,800	48521	28,776,000
Closing release (XF)		220 VAC/VDC	MVS21803	10,210,200	MVS21804	10,210,200
		380/480 VAC	MVS21805	10,210,200	MVS21806	10,210,200
		24 VAC/DC	47350	10,560,000	48481	10,393,900
Opening release (MX)		220 VAC	47363	10,393,900	48494	10,393,900
		380/480 VAC	47365	10,393,900	48496	10,393,900
		24 VAC/DC	47360	10,393,900	48491	10,393,900
Ready to close contact (PF)		5A - 240V	47342	2,863,300	48469	2,863,300
Undervoltage Trip (MN)		220/250 VAC	47383	10,560,000	48504	10,560,000
		380/480 VAC	47385	10,393,900	48506	10,393,900
		24 VDC	47380	10,393,900	48501	10,393,900
	Time delay	220/240 VAC	33682	10,531,400	33682	10,531,400
Carriage switches	1 connected position contact (CE)				33751	1,371,700
	1 test position contact (CD)				33752	1,371,700
	1 disconnect position contact (CT)				33753	1,371,700

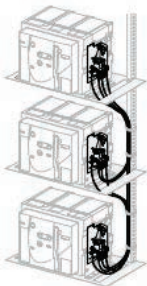


Escutcheon and accessories				
Mô tả	Mã hàng	Đơn giá (VND)	Mã hàng	Đơn giá (VND)
Escutcheon	48601	1,641,200	48603	1,857,900
Transparent cover (IP54)	-		48604	16,616,600
Escutcheon blanking plate	48605	3,224,100	48605	3,224,100

Interlocking for source changeover system for 2 devices

Mô tả	Mã hàng	Đơn giá (VND)
Interlocking using Cable		
Choose 2 adaptation fixtures (1 for each breaker) + 1 set of Cable		
Adaptation for EVS fixed devices	47926	8,258,800
Adaptation for EVS drawout devices	47926	8,258,800
Set of Cable	33209	6,066,500

Interlocking of ATS 3 devices



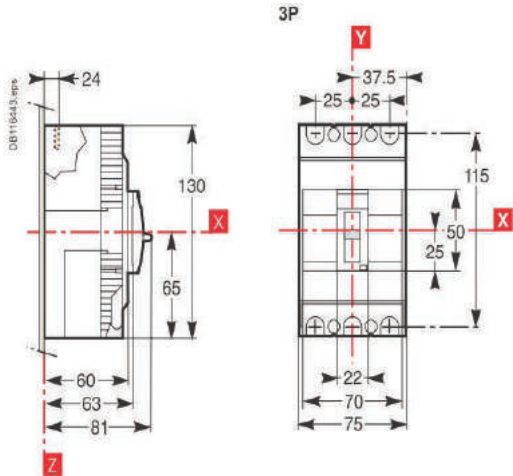
Mô tả	Mã hàng	Đơn giá (VND)
Interlocking using Cable		
1 complete set of 3 adaptaton fixtures + 1 set of Cable		
3 sources, only 1 device closed, fixed or drawout	48610	44,966,900
2 sources, 1 coupling, fixed or drawout	48609	44,966,900
2 normal, 1 replacement source, fixed or drawout	48608	42,024,400

CẦU DAO TỰ ĐỘNG DẠNG KHỐI MCCB EASYPACT EZC100

Easypact EZC100



- Phù hợp với tiêu chuẩn IEC 60947-2, JIS C 8201, NEMA AB1
- Dòng cắt ngắn mạch tại 415V: 7.5, 10, 15, 30kA
- Bảo vệ theo nguyên lý từ nhiệt
- Dòng điện định mức từ 15 đến 100A



EasyPact EZC100, 3P Type B , Icu=7.5kA / 415V

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
15A	EZC100B3015	1,744,600
20A	EZC100B3020	1,744,600
25A	EZC100B3025	1,744,600
30A	EZC100B3030	1,744,600
40A	EZC100B3040	1,744,600
50A	EZC100B3050	1,744,600
60A	EZC100B3060	1,854,600
75A	-	
80A	-	
100A	-	

EasyPact EZC100, 3P, Type F , Icu=10kA / 415V

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
15A	EZC100F3015	1,818,300
20A	EZC100F3020	1,818,300
25A	EZC100F3025	1,818,300
30A	EZC100F3030	1,818,300
40A	EZC100F3040	1,818,300
50A	EZC100F3050	1,818,300
60A	EZC100F3060	2,010,800
75A	EZC100F3075	2,010,800
80A	EZC100F3080	2,010,800
100A	EZC100F3100	2,198,900

EasyPact EZC100, 3P, Type N , Icu=15kA / 415V

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
15A	EZC100N3015	2,391,400
20A	EZC100N3020	2,391,400
25A	EZC100N3025	2,391,400
30A	EZC100N3030	2,391,400
40A	EZC100N3040	2,391,400
50A	EZC100N3050	2,391,400
60A	EZC100N3060	2,612,500
75A	EZC100N3075	2,612,500
80A	EZC100N3080	2,612,500
100A	EZC100N3100	2,612,500

EasyPact EZC100, 3P, Type H , Icu=30kA / 415V

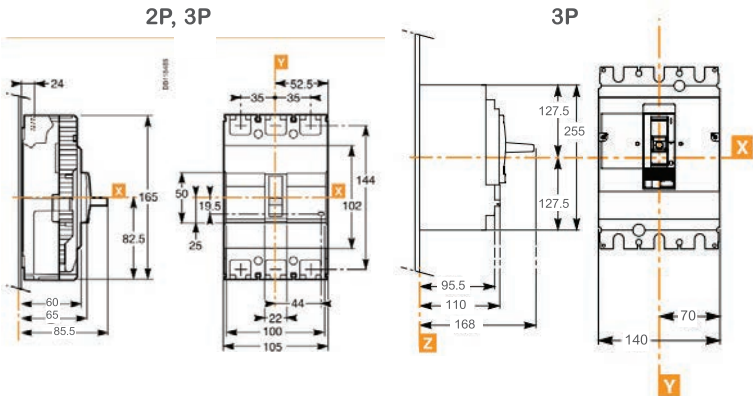
Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
15A	EZC100H3015	3,033,800
20A	EZC100H3020	3,033,800
25A	EZC100H3025	3,033,800
30A	EZC100H3030	3,033,800
40A	EZC100H3040	3,033,800
50A	EZC100H3050	3,033,800
60A	EZC100H3060	3,335,200
75A	EZC100H3075	3,335,200
80A	EZC100H3080	3,335,200
100A	EZC100H3100	3,335,200

CẦU DAO TỰ ĐỘNG DẠNG KHỐI MCCB EASYPACT Ezc250 Ezc400/630

Easypact Ezc250 & Ezc400/630



- Phù hợp với tiêu chuẩn IEC 60947-2, JIS C 8201, NEMA AB1
- Dòng cắt ngắn mạch tại 415V: 18, 25, 36, 50kA
- Bảo vệ theo nguyên lý từ nhiệt
- Dòng điện định mức từ 100-600A



Kích thước Ezc250

Kích thước Ezc400/630

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
EasyPact Ezc250, 3P, Type F, Icu=18kA/415V		
100A	Ezc250F3100	4,046,900
125A	Ezc250F3125	4,327,400
150A	Ezc250F3150	5,286,600
160A	Ezc250F3160	5,286,600
175A	Ezc250F3175	5,581,400
200A	Ezc250F3200	6,069,800
225A	Ezc250F3225	6,069,800
250A	Ezc250F3250	6,069,800
EasyPact Ezc250, 3P, Type H, Icu=36kA/415V		
100A	Ezc250H3100	4,327,400
125A	Ezc250H3125	5,135,900
150A	Ezc250H3150	6,296,400
160A	Ezc250H3160	6,296,400
175A	Ezc250H3175	7,602,100
200A	Ezc250H3200	7,602,100
225A	Ezc250H3225	7,602,100
250A	Ezc250H3250	7,602,100
EasyPact Ezc400/630, 3P type N, Icu=36kA/415V		
320	Ezc400N3320N	9,073,900
350	Ezc400N3350N	9,073,900
400	Ezc400N3400N	9,073,900
400	Ezc630N3400N	10,997,800
500	Ezc630N3500N	10,997,800
600	Ezc630N3600N	10,997,800
EasyPact Ezc400/630, 3P type H, Icu=50kA/415V		
320	Ezc400H3320N	9,961,600
350	Ezc400H3350N	9,961,600
400	Ezc400H3400N	9,961,600
400	Ezc630H3400N	12,316,700
500	Ezc630H3500N	12,316,700
600	Ezc630H3600N	12,316,700

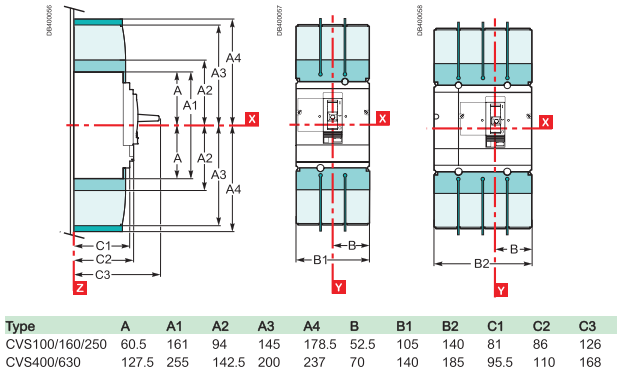
Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
EasyPact Ezc250, 3P, Type N, Icu=25kA/415V		
100A	Ezc250N3100	4,218,500
125A	Ezc250N3125	4,750,900
150A	Ezc250N3150	5,799,200
160A	Ezc250N3160	5,799,200
175A	Ezc250N3175	6,017,000
200A	Ezc250N3200	6,849,700
225A	Ezc250N3225	6,849,700
250A	Ezc250N3250	6,849,700
EasyPact Ezc250, 4P, Type N, Icu=25kA/415V		
100A	Ezc250N4100	5,467,000
125A	Ezc250N4125	6,861,800
150A	Ezc250N4150	8,231,300
160A	Ezc250N4160	8,231,300
200A	Ezc250N4200	9,082,700
250A	Ezc250N4250	9,082,700
EasyPact Ezc400/630, 4P type N, Icu=36kA/415V		
320	Ezc400N4320N	10,905,400
350	Ezc400N4350N	10,905,400
400	Ezc400N4400N	11,338,800
400	Ezc630N4400N	15,394,500
500	Ezc630N4500N	15,394,500
600	Ezc630N4600N	15,394,500
EasyPact Ezc400/630, 4P type H, Icu=50kA/415V		
320	Ezc400H4320N	11,667,700
350	Ezc400H4350N	11,667,700
400	Ezc400H4400N	12,131,900
400	Ezc630H4400N	16,470,300
500	Ezc630H4500N	16,470,300
600	Ezc630H4600N	16,470,300

CẦU DAO TỰ ĐỘNG DẠNG KHỐI MCCB Easycompact CVS



Easycompact CVS100-630A

- Phù hợp với tiêu chuẩn IEC 947-2
- Trip unit có thể chỉnh định được từ 0.7 đến 1 (loại từ nhiệt TMD)
- Dòng định mức từ 16A đến 600A
- Ics = 100% Icu
- Dùng chung một số phụ kiện với Compact NSX



EasyPact CVS100/250, 3P, Type B, Icu=25kA / 415V			
Loại	Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
CVS100B	16	LV510300	3,347,300
	25	LV510301	3,347,300
	32	LV510302	3,347,300
	40	LV510303	3,347,300
	50	LV510304	3,347,300
	63	LV510305	3,347,300
	80	LV510306	3,381,400
CVS160B	100	LV510307	3,381,400
	125	LV516302	4,398,900
CVS250B	160	LV516303	5,438,400
	200	LV525302	6,530,700
	250	LV525303	7,122,500

EasyPact CVS100/250, 4P, Type B, Icu=25kA / 415V			
Loại	Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
CVS100B	16	LV510310	4,471,500
	25	LV510311	4,471,500
	32	LV510312	4,471,500
	40	LV510313	4,471,500
	50	LV510314	4,471,500
	63	LV510315	4,471,500
	80	LV510316	4,731,100
CVS160B	100	LV510317	4,731,100
	125	LV516312	6,435,000
CVS250B	160	LV516313	7,321,600
	200	LV525312	9,033,200
	250	LV525313	9,961,600

EasyPact CVS100/630, 3P, Type F, Icu=36kA / 415V			
Loại	Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
CVS100F	16	LV510330	3,474,900
	25	LV510331	3,474,900
	32	LV510332	3,474,900
	40	LV510333	3,474,900
	50	LV510334	3,474,900
	63	LV510335	3,474,900
	80	LV510336	3,603,600
CVS160F	100	LV510337	3,603,600
	125	LV516332	4,763,000
CVS250F	160	LV516333	5,855,300
	200	LV525332	7,373,300
CVS400F	250	LV525333	8,013,500
	320	LV540305	12,447,600
CVS630F	400	LV540306	13,101,000
	500	LV563305	16,868,500
	600	LV563306	19,464,500

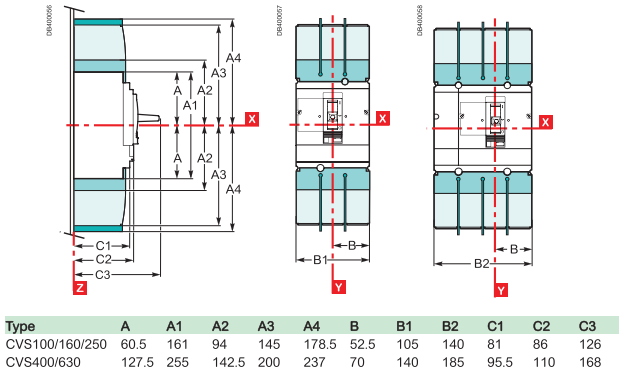
EasyPact CVS100/630, 4P, Type F, Icu=36kA / 415V			
Loại	Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
CVS100F	16	LV510340	4,823,500
	25	LV510341	4,823,500
	32	LV510342	4,823,500
	40	LV510343	4,823,500
	50	LV510344	4,823,500
	63	LV510345	4,823,500
	80	LV510346	5,148,000
CVS160F	100	LV510347	5,148,000
	125	LV516342	6,768,300
CVS250F	160	LV516343	7,959,600
	200	LV525342	10,268,500
CVS400F	250	LV525343	11,315,700
	320	LV540308	14,413,300
CVS630F	400	LV540309	16,050,100
	500	LV563308	21,088,100
	600	LV563309	22,385,000

CẦU DAO TỰ ĐỘNG DẠNG KHỐI MCCB Easycompact CVS



Easycompact CVS100-630A

- Phù hợp với tiêu chuẩn IEC 947-2
- Trip unit có thể chỉnh định được từ 0.7 đến 1 (0.8 đến 1 cho CVS100BS). Trip bảo vệ bằng từ nhiệt (TMD)
- Dòng định mức từ 16A đến 600A
- Ics = 100% Icu
- Dùng chung một số phụ kiện với Compact NSX



EasyPact CVS100BS 25kA@ 380Vac

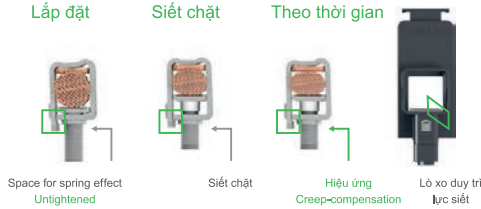
3P			4P		
Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)	Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
16	LV510930	2,831,400			
20	LV510931	2,831,400			
25	LV510932	2,831,400	25	LV510952	3,822,500
32	LV510933	2,831,400	32	LV510953	3,822,500
40	LV510934	2,831,400	40	LV510954	3,822,500
50	LV510935	2,831,400	50	LV510955	3,822,500
63	LV510936	2,831,400	63	LV510956	3,822,500
80	LV510937	2,831,400	80	LV510957	3,822,500
100	LV510938	2,831,400	100	LV510958	3,822,500

EasyPact CVS100/630, type N, Icu=50kA/415V

3P	Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)	4P	Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
CVS100N	16	LV510470	3,809,300	CVS100N	16	LV510480	5,288,800
	25	LV510471	3,809,300		25	LV510481	5,288,800
	32	LV510472	3,809,300		32	LV510482	5,288,800
	40	LV510473	3,809,300		40	LV510483	5,288,800
	50	LV510474	3,809,300		50	LV510484	5,288,800
	63	LV510475	3,809,300		63	LV510485	5,288,800
	80	LV510476	3,952,300		80	LV510486	5,644,100
	100	LV510477	3,952,300		100	LV510487	5,644,100
CVS160N	100	LV516461	4,940,100	CVS160N	100	LV516466	7,218,200
	125	LV516462	5,079,800		125	LV516467	7,420,600
	160	LV516463	6,243,600		160	LV516468	8,489,800
CVS250N	200	LV525452	7,724,200	CVS250N	200	LV525457	10,752,500
	250	LV525453	8,628,400		250	LV525458	12,183,600
CVS400N	320	LV540315	13,756,600	CVS400N	320	LV540318	17,359,100
	400	LV540316	14,741,100		400	LV540319	18,341,400
CVS630N	500	LV563315	19,464,500	CVS630N	500	LV563318	22,707,300
	600	LV563316	20,920,900		600	LV563319	24,655,400

CẦU DAO TỰ ĐỘNG DẠNG KHỐI Compact NSXm

MCCB Compact NSXm



- Đầu nối dạng EverLink
- Phụ kiện dạng lò xo có thể trực quan
- Có thể lắp đặt trên cả thanh DIN / trên đế

Compact NSXm E (16KA @380/415Vac) với trip từ nhiệt TMD

EverLink™ connectors				
Dòng điện	Mã hàng	3P	Đơn giá (VNĐ)	
16	C11E3TM016L		4,255,900	
25	C11E3TM025L		4,255,900	
32	C11E3TM032L		4,255,900	
40	C11E3TM040L		4,255,900	
50	C11E3TM050L		4,255,900	
63	C11E3TM063L		4,255,900	
80	C11E3TM080L		4,375,800	
100	C11E3TM100L		4,375,800	
125	C12E3TM125L		5,533,000	
160	C12E3TM160L		5,533,000	

Compact NSXm B (25KA @380/415Vac) với trip từ nhiệt TMD

EverLink™ connectors				
Dòng điện	Mã hàng	3P	Đơn giá (VNĐ)	
16	C11B3TM016L		4,433,000	
25	C11B3TM025L		4,433,000	
32	C11B3TM032L		4,433,000	
40	C11B3TM040L		4,433,000	
50	C11B3TM050L		4,433,000	
63	C11B3TM063L		4,433,000	
80	C11B3TM080L		4,558,400	
100	C11B3TM100L		4,558,400	
125	C12B3TM125L		5,762,900	
160	C12B3TM160L		5,762,900	

Compact NSXm F (36KA @380/415Vac) với trip từ nhiệt TMD

EverLink™ connectors				
Dòng điện	Mã hàng	3P	Đơn giá (VNĐ)	
16	C11F3TM016L		4,667,300	
25	C11F3TM025L		4,667,300	
32	C11F3TM032L		4,667,300	
40	C11F3TM040L		4,667,300	
50	C11F3TM050L		4,667,300	
63	C11F3TM063L		4,667,300	
80	C11F3TM080L		4,797,100	
100	C11F3TM100L		4,797,100	
125	C12F3TM125L		6,200,700	
160	C12F3TM160L		7,874,900	

Compact NSXm N (50KA @380/415Vac) với trip từ nhiệt TMD

EverLink™ connectors				
Dòng điện	Mã hàng	3P	Đơn giá (VNĐ)	
16	C11N3TM016L		5,335,000	
25	C11N3TM025L		5,335,000	
32	C11N3TM032L		5,335,000	
40	C11N3TM040L		5,335,000	
50	C11N3TM050L		5,335,000	
63	C11N3TM063L		5,335,000	
80	C11N3TM080L		5,480,200	
100	C11N3TM100L		5,480,200	
125	C12N3TM125L		6,824,400	
160	C12N3TM160L		8,668,000	

Compact NSXm E (16KA @380/415Vac) với trip từ nhiệt TMD

EverLink™ connectors				
Dòng điện	Mã hàng	4P	Đơn giá (VNĐ)	
16	C11E6TM016L		5,750,800	
25	C11E6TM025L		5,750,800	
32	C11E6TM032L		5,750,800	
40	C11E6TM040L		5,750,800	
50	C11E6TM050L		5,750,800	
63	C11E6TM063L		5,750,800	
80	C11E6TM080L		6,106,100	
100	C11E6TM100L		6,106,100	
125	C12E6TM125L		8,621,800	
160	C12E6TM160L		9,471,000	

Compact NSXm B (25KA @380/415Vac) với trip từ nhiệt TMD

EverLink™ connectors				
Dòng điện	Mã hàng	4P	Đơn giá (VNĐ)	
16	C11B6TM016L		5,989,500	
25	C11B6TM025L		5,989,500	
32	C11B6TM032L		5,989,500	
40	C11B6TM040L		5,989,500	
50	C11B6TM050L		5,989,500	
63	C11B6TM063L		5,989,500	
80	C11B6TM080L		6,359,100	
100	C11B6TM100L		6,359,100	
125	C12B6TM125L		8,980,400	
160	C12B6TM160L		9,867,000	

Compact NSXm F (36KA @380/415Vac) với trip từ nhiệt TMD

EverLink™ connectors				
Dòng điện	Mã hàng	4P	Đơn giá (VNĐ)	
16	C11F6TM016L		6,365,700	
25	C11F6TM025L		6,365,700	
32	C11F6TM032L		6,365,700	
40	C11F6TM040L		6,365,700	
50	C11F6TM050L		6,365,700	
63	C11F6TM063L		6,366,800	
80	C11F6TM080L		6,760,600	
100	C11F6TM100L		6,760,600	
125	C12F6TM125L		9,115,700	
160	C12F6TM160L		10,721,700	

Compact NSXm N (50KA @380/415Vac) với trip từ nhiệt TMD

EverLink™ connectors				
Dòng điện	Mã hàng	4P	Đơn giá (VNĐ)	
16	C11N6TM016L		7,203,900	
25	C11N6TM025L		7,203,900	
32	C11N6TM032L		7,203,900	
40	C11N6TM040L		7,203,900	
50	C11N6TM050L		7,203,900	
63	C11N6TM063L		7,203,900	
80	C11N6TM080L		7,646,100	
100	C11N6TM100L		7,646,100	
125	C12N6TM125L		10,036,400	
160	C12N6TM160L		11,803,000	

CB BẢO VỆ ĐỘNG CƠ LOẠI TỬ VÀ TỬ NHIỆT - TESYS

CB bảo vệ động cơ loại tử và nhiệt - GV2ME và GV2P



- Bảo vệ ngắn mạch
- Phải dùng phối hợp với rơ le nhiệt bảo vệ động cơ
- Chỉ thị trạng thái ON-TRIP-OFF

CB bảo vệ động cơ loại tử GV2LE và GV2L



- Tích hợp rơ le nhiệt bảo vệ quá tải, ngắn mạch và bảo vệ mất pha
- Chỉ thị trạng thái ON-TRIP-OFF

Kw 400/415V	Dải cài đặt dòng điện bảo vệ nhiệt (A)	Dòng điện bảo vệ tử (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
CB bảo vệ động cơ loại tử nhiệt GV2ME				
-	0.1...0.16	1.5	GV2ME01	1,434,400
0.06	0.16...0.25	2.4	GV2ME02	1,434,400
0.09	0.25...0.40	5	GV2ME03	1,434,400
0.12	0.40...0.63	8	GV2ME04	1,421,200
0.18	0.40...0.63	8	GV2ME04	1,421,200
0.25	0.63...1	13	GV2ME05	1,475,100
0.37	1...1.6	22.5	GV2ME06	1,540,000
0.55	1...1.6	22.5	GV2ME06	1,540,000
0.75	1.6...2.5	33.5	GV2ME07	1,540,000
1.1	2.5...4	51	GV2ME08	1,540,000
1.5	2.5...4	51	GV2ME08	1,540,000
2.2	4...6.3	78	GV2ME10	1,540,000
3	6...10	138	GV2ME14	1,684,100
4	6...10	138	GV2ME14	1,684,100
5.5	9...14	170	GV2ME16	1,779,800
7.5	13...18	223	GV2ME20	1,779,800
9	17...23	327	GV2ME21	1,779,800
11	20...25	327	GV2ME22	1,779,800
15	24...32	416	GV2ME32	1,779,800

CB bảo vệ động cơ loại tử nhiệt GV2P				
-	0.1...0.16	1.5	GV2P01	1,698,400
0.06	0.16...0.25	2.4	GV2P02	1,763,300
0.09	0.25...0.40	5	GV2P03	1,763,300
0.12	0.40...0.63	8	GV2P04	1,763,300
0.18	0.40...0.63	8	GV2P04	1,763,300
0.25	0.63...1	13	GV2P05	1,831,500
0.37	1...1.6	22.5	GV2P06	1,889,800
0.55	1...1.6	22.5	GV2P06	1,889,800
0.75	1.6...2.5	33.5	GV2P07	1,889,800
1.1;1.5	2.5...4	51	GV2P08	1,889,800
2.2	4...6.3	78	GV2P10	1,889,800
3; 4	6...10	138	GV2P14	2,069,100
5.5	9...14	170	GV2P16	2,185,700
7.5	13...18	223	GV2P20	2,205,500
9	17...23	327	GV2P21	2,205,500
11	20...25	327	GV2P22	2,205,500
15	24...32	416	GV2P32	2,205,500

Kw 400/415V	Dòng điện bảo vệ tử (A)	Dòng điện bảo vệ tử (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
CB bảo vệ động cơ loại tử GV2LE				
0.12	0.63	8	GV2LE04	1,292,500
0.18	0.63	8	GV2LE04	1,292,500
0.25	1	13	GV2LE05	1,339,800
0.37	1	13	GV2LE05	1,339,800
0.55	1.6	22.5	GV2LE06	1,399,200
0.75	2.5	33.5	GV2LE07	1,452,000
1.1	4	51	GV2LE08	1,452,000
1.5	4	51	GV2LE08	1,452,000
2.2	6.3	78	GV2LE10	1,452,000
3	10	138	GV2LE14	1,585,100
4	10	138	GV2LE14	1,585,100
5.5	14	170	GV2LE16	1,677,500
7.5	18	223	GV2LE20	1,677,500
9	25	327	GV2LE22	1,677,500
11	25	327	GV2LE22	1,677,500
15	32	416	GV2LE32	1,615,900

CB bảo vệ động cơ loại tử GV2L				
0.12	0.63	8	GV2L04	1,676,400
0.18	0.63	8	GV2L04	1,676,400
0.25	1	13	GV2L05	1,679,700
0.37	1	13	GV2L05	1,679,700
0.55	1.6	22.5	GV2L06	1,810,600
0.75	2.5	33.5	GV2L07	1,744,600
1.1	4	51	GV2L08	1,810,600
1.5	4	51	GV2L08	1,810,600
2.2	6.3	78	GV2L10	1,810,600
3	10	138	GV2L14	1,985,500
4	10	138	GV2L14	1,985,500
5.5	14	170	GV2L16	2,095,500
7.5	18	223	GV2L20	2,095,500
9	25	327	GV2L22	2,095,500
11	25	327	GV2L22	2,095,500
15	32	416	GV2L32	2,095,500

KHỞI ĐỘNG TỪ TESYS D 9-150A

- Dùng điều khiển động cơ lên đến 75kW, loại AC1, AC3
- Điện áp điều khiển cho cuộn dây: AC, DC, LC
- Tích hợp 2 tiếp điểm phụ , 1NO, 1NC
- Độ bền cơ khí và độ bền điện cao



Kw

380V 400V

Dòng định mức AC-3

Tiếp điểm phụ

Mã hàng

Đơn giá (VNĐ)

Khởi động từ với cuộn dây điều khiển loại AC

		N/O	N/C		
4	9	1	1	LC1D09M7	597,300
5.5	12	1	1	LC1D12M7	722,700
7.5	18	1	1	LC1D18M7	963,600
11	25	1	1	LC1D25M7	1,348,600
15	32	1	1	LC1D32M7	1,679,700
18.5	38	1	1	LC1D38M7	1,976,700
18.5	40	1	1	LC1D40AM7	3,065,700
22	50	1	1	LC1D50AM7	3,594,800
30	65	1	1	LC1D65AM7	4,441,800
37	66	1	1	LC1D80AM7	5,557,200
45	95	1	1	LC1D95M7	6,914,600
55	115	1	1	LC1D115M7	9,301,600
75	150	1	1	LC1D150M7	11,853,600

Kw

380V 400V

Dòng định mức AC-3

Tiếp điểm phụ

Mã hàng

Đơn giá (VNĐ)

Khởi động từ với cuộn dây điều khiển loại DC

4	9	1	1	LC1D09BD	1,009,800
5.5	12	1	1	LC1D12BD	1,224,300
7.5	18	1	1	LC1D18BD	1,633,500
11	25	1	1	LC1D25BD	1,633,500
15	32	1	1	LC1D32BD	2,852,300
18.5	38	1	1	(*)LC1D38BNE	6,040,100
18.5	40	1	1	(*)LC1D40ABNE	9,379,700
22	50	1	1	(*)LC1D50ABNE	9,419,300
30	65	1	1	(*)LC1D65ABNE	9,487,500
45	95	1	1	LC1D95BD	11,752,400
55	115	1	1	LC1D115BD	15,951,100
75	150	1	1	LC1D150BD	20,149,800

(*) Mã điện áp cuộn hút cho Green Contactor

AC/DC or 24V DC supply

Volts	24(DC only)	24-60	48-130	100-250
-------	-------------	-------	--------	---------

LC1D09...D38,
LC1D40A...D80A

U 0.85... 1.1 Uc	BNE	EHE	KUE
------------------	-----	-----	-----

U 0.8... 1.2 Uc	BNE
-----------------	-----

LC1D40A...D80A

U 0.8... 1.2 Uc	BNE
-----------------	-----

Standard control circuit voltages

~ supply

Volts	24	42	48	110	115	220	230	240	380	400	415	440	500
Contactors LC1-D09...D150 (coils D115 and D150 with intergral suppression deviece fitted as standard) 50/60 Hz	B7	D7	E7	F7	-	M7	P7	U7	Q7	-	N7	R7	-
Contactors LC1-D80...D115 50 Hz	B5	D5	E5	F5	FE5	M5	P5	U5	Q5	V5	N5	R5	S5
60 Hz	B6	-	E6	F6	-	M6	-	U6	Q6	-	-	R6	-
⎓ supply Volts	12	24	36	48			110		220				
Contactors LC1-D09...D65A(coils with intergral suppression deviece fitted as standard) U 0.75...1.25Uc		BD	-	ED		-	FD		MD	-			
Contactors LC1-D80...D95 U 0.85...1.1Uc		BD					FD		MD				
U 0.75...1.2 Uc Contactors LC1-D115 and D150(coils with intergral suppression deviece fitted as standard) U 0.75...1.2 Uc		JW	BW	CW	EW	SW	FW		MW	-			
	-	BD	-			SD	FD		MD				

RƠ LE NHIỆT TESYS LOẠI D



- Tương thích cho lắp đặt với khởi động tử Tesys D
- Dùng cho bảo vệ động cơ và bảo vệ mất pha
- Reset tự động hoặc bằng tay, chỉ thị TRIP

Class 10 (1) với liên kết Everlink, đầu kết nối bắt vít BTR

Dải cài đặt của rơ le	Sử dụng với contactor LC1D	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Class 10A (1) với đầu kết nối bắt vít			
0.10...0.16	D09...D38	LRD01	630,300
0.16...0.25	D09...D38	LRD02	630,300
0.25...0.40	D09...D38	LRD03	630,300
0.40...0.63	D09...D38	LRD04	630,300
0.63...1	D09...D38	LRD05	630,300
1...1.6	D09...D38	LRD06	630,300
1.6...2.5	D09...D38	LRD07	630,300
2.5...4	D09...D38	LRD08	630,300
4...6	D09...D38	LRD10	630,300
5.5...8	D09...D38	LRD12	630,300
7...10	D09...D38	LRD14	630,300
9...13	D12...D38	LRD16	630,300
12...18	D18...D38	LRD21	689,700
16...24	D25...D38	LRD22	723,800
23...32	D25...D38	LRD32	939,400
30...38	D32 and D38	LRD35	948,200

Dải cài đặt của rơ le	Sử dụng với contactor LC1D	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Class 10 A(1) với liên kết Everlink, đầu kết nối bắt vít BTR			
9...13	D40A...D65A	LRD313	2,182,400
12...18	D40A...D65A	LRD318	2,251,700
17...25	D40A...D65A	LRD325	2,325,400
23...32	D40A...D65A	LRD332	2,554,200
30...40	D40A...D65A	LRD340	2,470,600
37...50	D40A...D65A	LRD350	2,861,100
48...65	D50A và D65A	LRD365	2,977,700
Class 10 A(1) với đầu kết nối bắt vít			
62...80	D80 và D95	LRD380	3,863,200
80...104	D80 và D95	LRD3365	3,863,200
80...104	D115 và D150	LRD4365	5,485,700
95...120	D115 và D150	LRD4367	6,030,200
110...140	D150	LRD4369	6,198,500

(1) Tiêu chuẩn IEC 947-4-1 chỉ định thời gian trip khi dòng điện đi qua rơ le bằng 7.2 lần dòng điện cài đặt IR Class 10A : từ 2 đến 10 giây.

KHỞI ĐỘNG TỪ EASYPACT TVS

Khởi động từ Easypact TVS



LC1E65



LC1E120



LC1E300

- Dòng điện định mức từ 6 đến 630A, AC3
- Điện áp điều khiển: AC

Rơ le nhiệt Easypact TVS



LRE●●



LRE3●●



LRE48●

- Tương thích cho lắp đặt với khởi động từ Easypact TVS
- Dùng cho bảo vệ động cơ

KW 380V 400V	Dòng định mức AC-3	Tiếp điểm phụ	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)	
Khởi động từ có cấu đầu nối bằng ốc vít					
		N/O	N/C		
2.2	6	1	0	LC1E0610M5	337,700
2.2	6	0	1	LC1E0601M5	337,700
4	9	1	0	LC1E0910M5	360,800
4	9	0	1	LC1E0901M5	380,600
5.5	12	1	0	LC1E1210M5	409,200
5.5	12	0	1	LC1E1201M5	409,200
7.5	18	1	0	LC1E1810M5	605,000
7.5	18	0	1	LC1E1801M5	605,000
11	25	1	0	LC1E2510M5	738,100
11	25	0	1	LC1E2501M5	738,100
15	32	1	0	LC1E3210M5	1,085,700
15	32	0	1	LC1E3201M5	1,085,700
18.5	38	1	0	LC1E3810M5	1,271,600
18.5	38	0	1	LC1E3801M5	1,271,600
18.5	40	1	1	LC1E40M5	1,414,600
22	50	1	1	LC1E50M5	1,481,700
30	65	1	1	LC1E65M5	1,593,900
37	80	1	1	LC1E80M5	2,352,900
45	95	1	1	LC1E95M5	2,746,700
55	120	1	1	LC1E120M5	3,627,800
75	160	1	1	LC1E160M5	6,998,200

Khởi động từ đầu nối bằng thanh đồng					
90	200	0	0	LC1E200M5	7,884,800
132	250	0	0	LC1E250M5	10,835,000
160	300	0	0	LC1E300M5	14,670,700
200	400	0	0	LC1E400M7	21,022,100
250	500	0	0	LC1E500M7	38,512,100
335	630	0	0	LC1E630M7	55,225,500

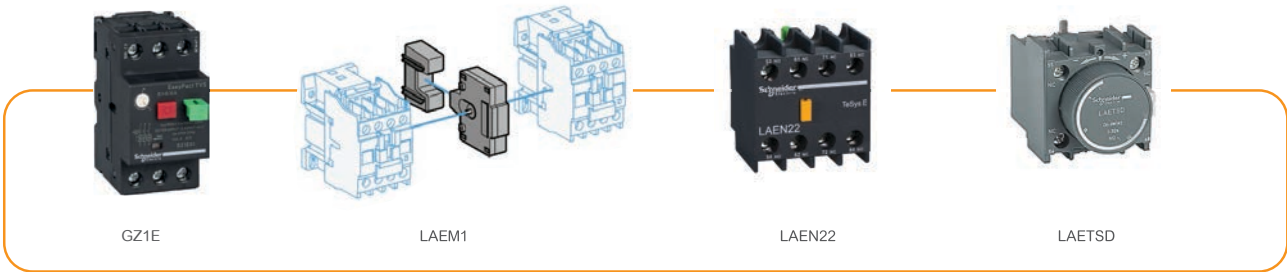
Coil voltage code										
		24	48	110	220	230	240	380	415	440
LC1E06-300	50 Hz	B5	E5	F5	M5	-	U5	Q5	N5	R5
LC1E06-95	50/60Hz	B7	E7	F7	M7	P7	-	Q7	-	-
LC1E06-630	50/60Hz	-	E7	F7	M7	-	U7	Q7	N7	R7

* Giá trên áp dụng cho các mã hàng có điện áp điều khiển *5 của dòng LC1E06-95
* Vui lòng liên hệ Schneider Electric để biết giá

Dải cài đặt của Rơ le	Sử dụng với contactor LC1E	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
0.10...0.16	E06...E38	LRE01	391,600
0.16...0.25	E06...E38	LRE02	387,200
0.25...0.40	E06...E38	LRE03	387,200
0.40...0.63	E06...E38	LRE04	387,200
0.63...1	E06...E38	LRE05	387,200
1...1.6	E06...E38	LRE06	387,200
1.6...2.5	E06...E38	LRE07	387,200
2.5...4	E06...E38	LRE08	387,200
4...6	E06...E38	LRE10	387,200
5.5...8	E09...E38	LRE12	387,200
7...10	E09...E38	LRE14	392,700
9...13	E12...E38	LRE16	391,600
12...18	E18...E38	LRE21	391,600
16...24	E25...E38	LRE22	391,600
23...32	E25...E38	LRE32	391,600
30...38	E38	LRE35	427,900
17...25	E40...E95	LRE322	1,014,200
23...32	E40...E95	LRE353	1,025,200
30...40	E40...E95	LRE355	1,020,800
37...50	E50...E95	LRE357	1,004,300
48...65	E65...E95	LRE359	1,023,000
55...70	E80...E95	LRE361	2,256,100
63...80	E80...E95	LRE363	2,233,000
80...104	E95	LRE365	2,275,900

Rơ le nhiệt hợp bộ với khởi động từ đầu nối bằng thanh đồng			
51...81	E120...E160	LRE480	3,401,200
62...99	E120...E160	LRE481	3,577,200
84...135	E120...E160	LRE482	3,786,200
124...198	E200	LRE483	3,851,100
146...234	E250...E400	LRE484	3,851,100
174...279	E250...E400	LRE485	5,078,700
208...333	E250...E400	LRE486	5,078,700
259...414	E300...E400	LRE487	5,392,200
321...513	E500	LRE488	6,908,000
394...630	E630	LRE489	8,325,900

CB BẢO VỆ ĐỘNG CƠ LOẠI TỪ NHIỆT VÀ PHỤ KIỆN EASYPACT TVS



GZ1E

Kw 400/415V	Dải cài đặt dòng điện bảo vệ nhiệt (A)	Dòng điện bảo vệ từ (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
CB bảo vệ động cơ loại từ nhiệt GZ				
-	0.1...0.16	1.5	GZ1E01	955,900
-	0.16...0.25	2.4	GZ1E02	955,900
-	0.25 ...0.40	5	GZ1E03	992,200
-	0.40 ...0.63	8	GZ1E04	992,200
-	0.63...1	13	GZ1E05	1,058,200
0.37	1... 1.6	22.5	GZ1E06	1,058,200
0.75	1.6...2.5	33.5	GZ1E07	1,058,200
1.5	2.5...4	51	GZ1E08	1,058,200
2.2	4...6.3	78	GZ1E10	1,058,200
4	6 ... 10	138	GZ1E14	1,139,600
5.5	9 ... 14	170	GZ1E16	1,279,300
7.5	13 ... 18	223	GZ1E20	1,279,300
9	17 ... 23	327	GZ1E21	1,279,300
11	20 ... 25	327	GZ1E22	1,279,300
15	24 ... 32	416	GZ1E32	1,279,300

Khóa liên động
cơ khí

Mã hàng

Đơn giá
(VNĐ)

Tiếp điểm phụ

Mã hàng

Đơn giá
(VNĐ)

Liên động cơ khí

LC1E06...E12	LAEM1	150,700
LC1E18 / E25	LAEM1	150,700
LC1E32 / E38	LAEM1	150,700
LC1E40...E65	LAEM1	150,700
LC1E80 / E95	LAEM4	211,200
LC1E120 / E160	LAEM5	892,100
LC1E200 / E250	LAEM6	1,279,300
LC1E300	LAEM7	1,712,700
LC1E400	LAEM7	1,712,700
LC1E500	LAEM7	1,712,700

Khởi tiếp điểm phụ gắn ở mặt trước

1 NO / 1 NC	LAEN11	96,800
2 NO	LAEN20	95,700
2 NC	LAEN02	97,900
2NO / 2 NC	LAEN22	181,500

Tiếp điểm phụ

Rơ le thời gian
loại

Khoảng
cài đặt

Mã hàng

Đơn giá
(VNĐ)

Rơ le thời gian

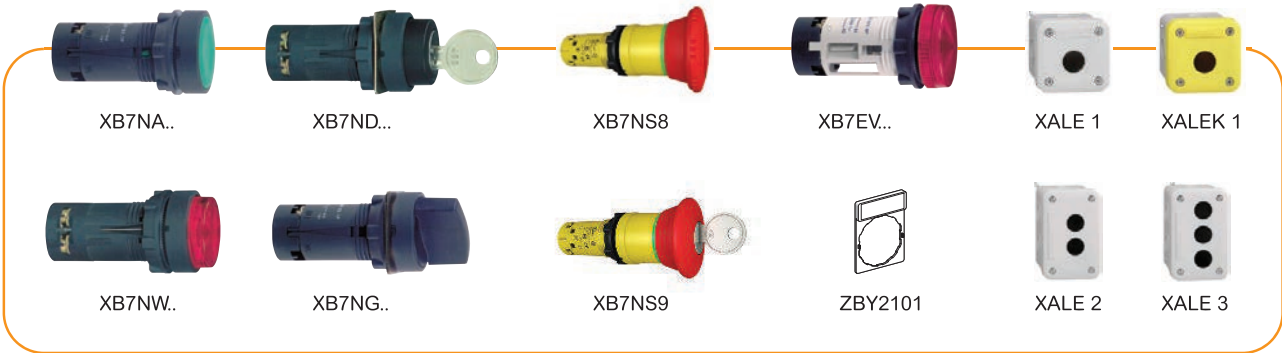
1 NO / 1 NC	On-delay	1...30s	LAETSD	1,210,000
-------------	----------	---------	--------	-----------

NÚT NHẤN - ĐÈN BÁO - CÔNG TẮC XOAY HỌ XB7

• Dây sản phẩm kinh tế, màu sắc đa dạng

• Cấp bảo vệ: IP54

• Tuổi thọ cao



Nút nhấn nhả Ø 22mm

Màu	Tiếp điểm	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
●	N/O	XB7NA21	94,600
●	N/O	XB7NA31	91,300
●	N/C	XB7NA42	91,300
●	N/O	XB7NA81	91,300

Nút nhấn nhả Ø 22mm

Màu	Tiếp điểm	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
●	N/O + N/C	XB7NA25	128,700
●	N/O + N/C	XB7NA35	128,700
●	N/O + N/C	XB7NA45	128,700
●	N/O + N/C	XB7NA85	204,600

Nút nhấn có đèn LED điện áp 24Vdc

●	N/O	XB7NW33B1	222,200
●	N/O	XB7NW34B1	222,200
●	N/C	XB7NW34B2	222,200
●	N/O	XB7NW38B1	222,200

Nút nhấn có đèn LED điện áp 230Vac

●	N/O	XB7NW33M1	291,500
●	N/O	XB7NW34M1	291,500
●	N/C	XB7NW34M2	291,500
●	N/O	XB7NW38M1	400,400

Công tắc xoay 2 vị trí

☺	N/O	XB7ND21	154,000
☺	N/O + N/C	XB7ND25	162,800

Công tắc xoay 3 vị trí

☺	2 N/O	XB7ND33	162,800
---	-------	---------	---------

Công tắc xoay có khóa 2 vị trí

☺	N/O	XB7NG21	226,600
---	-----	---------	---------

Công tắc xoay có khóa 3 vị trí

☺	2 N/O	XB7NG33	286,000
---	-------	---------	---------

Nút dừng khẩn cấp Ø40 xoay để mở

●	N/C	XB7NS8442	191,400
●	N/O + N/C	XB7NS8445	216,700

Nút dừng khẩn cấp Ø40 mở bằng chìa khóa

●	2 N/C	XB7NS9444	386,100
●	N/O + N/C	XB7NS9445	409,200

Đèn LED điện áp 24Vdc

●	XB7EV03BP	123,200
●	XB7EV04BP	123,200
●	XB7EV05BP	123,200
●	XB7EV06BP	123,200

Đèn LED điện áp 230Vac

●	XB7EV03MP	123,200
●	XB7EV04MP	123,200
●	XB7EV05MP	123,200
●	XB7EV06MP	123,200

Phụ Kiện

ZBY2101	51,700
---------	--------

Hộp

Mặt xám 1 lỗ	XALE1	256,300
Mặt xám 2 lỗ	XALE2	268,400
Mặt xám 3 lỗ	XALE3	286,000

Tất cả mã hàng trên đều được bán theo hộp số lượng 10 cái
Giá trên đã bao gồm VAT

NÚT NHẤN - ĐÈN BÁO - CÔNG TẮC XOAY HỘ XA2

Đèn báo Ø22

	Màu	Mã hàng	Số lượng tối thiểu	Đơn giá (VNĐ)	Mã hàng	Số lượng tối thiểu	Đơn giá (VNĐ)	Mã hàng	Số lượng tối thiểu	Đơn giá (VNĐ)
	Điện áp	24V AC/DC			110V AC			110V DC		
 XA2EVxx3LC	○	XA2EVB1LC	10	64,900	XA2EVF1LC	10	79,200	XA2EVFD5LC	10	67,100
	●	XA2EVB3LC	10	64,900	XA2EVF3LC	10	70,400	XA2EVFD8LC	10	67,100
	●	XA2EVB4LC	10	64,900	XA2EVF4LC	10	70,400			
	●	XA2EVB5LC	10	64,900	XA2EVF5LC	10	70,400			
	●	XA2EVB6LC	10	64,900	XA2EVF6LC	10	79,200			
 XA2EVxx5LC	●	XA2EVB8LC	10	64,900	XA2EVF8LC	10	67,100			
	Điện áp	220V AC			220V DC			380V - 400V AC		
	○	XA2EVM1LC	10	60,500	XA2EVM1LC	10	79,200	XA2EVQ1LC	10	82,500
	●	XA2EVM3LC	10	60,500	XA2EVM3LC	10	79,200	XA2EVQ3LC	10	82,500
	●	XA2EVM4LC	10	60,500	XA2EVM4LC	10	70,400	XA2EVQ4LC	10	73,700
 XA2EVxx8LC	●	XA2EVM5LC	10	60,500	XA2EVM5LC	10	79,200	XA2EVQ5LC	10	82,500
	●	XA2EVM6LC	10	60,500	XA2EVM6LC	10	79,200	XA2EVQ6LC	10	82,500
	●	XA2EVM8LC	10	60,500	XA2EVM8LC	10	67,100	XA2EVQ8LC	10	73,700

Nút nhấn nhả Ø22

Màu	Tiếp điểm	Mã hàng	Số lượng tối thiểu	Đơn giá (VNĐ)	Màu	Tiếp điểm	Mã hàng	Số lượng tối thiểu	Đơn giá (VNĐ)
 XA2EA31	Không có ký hiệu				 XA2EA4342	Có ký hiệu			
	○	N/O	XA2EA11	10 67,100		●	N/O	XA2EA3311	10 71,500
	●	N/O	XA2EA21	10 57,200		●	N/O	XA2EA3351	10 60,500
	●	N/O	XA2EA31	10 57,200		○	N/O	XA2EA3341	10 63,800
	●	N/O	XA2EA51	10 57,200		●	N/C	XA2EA4322	10 68,200
	●	N/O	XA2EA61	10 57,200		●	N/C	XA2EA4342	10 71,500
	●	N/C	XA2EA42	10 57,200					

Nút nhấn nhả đầu năm Ø22

Đường kính (mm)	Màu	Tiếp điểm	Mã hàng	Số lượng tối thiểu	Đơn giá (VNĐ)
 XA2EC51	●	N/O	XA2EC21	10	74,800
	●	N/O	XA2EC31	10	69,300
	●	N/C	XA2EC42	10	69,300
	●	N/O	XA2EC21	10	74,800

Nút nhấn giữ Ø22

Màu	Tiếp điểm	Mã hàng	Số lượng tối thiểu	Đơn giá (VNĐ)
 XA2EH021	●	N/O	XA2EH021	10 105,600
	●	N/O	XA2EH031	10 93,500
	●	N/C	XA2EH042	10 93,500
	●	N/O	XA2EH051	10 105,600
	●	N/O	XA2EH061	10 100,100

NÚT NHẤN - ĐÈN BÁO - CÔNG TẮC XOAY HỌ XA2

Công tắc xoay có khóa Ø22

Số vị trí			Tiếp điểm	Mã hàng	Số lượng tối thiểu	Đơn giá (VNĐ)
 XA2EG03	Tay nắm ngắn					
	2 vị trí	↘	N/O	XA2EG21	10	213,400
	2 vị trí	↘	2N/O	XA2EG43	10	249,700
	2 vị trí tự nhả	↘↗	2N/O	XA2EG63	10	280,500
	3 vị trí	↘↗↖	2N/O	XA2EG73	10	280,500
	3 vị trí	↘↗	2N/O	XA2EG33	10	249,700
	3 vị trí	↘↗↖	2N/O	XA2EG03	10	249,700

Nút dừng khẩn cấp Ø22

	Đường kính (mm)	Cách tác động	Tiếp điểm	Mã hàng	Số lượng tối thiểu	Đơn giá (VNĐ)
 XA2ET42	Ø40 - red	Nhấn-kéo nhả	N/C	XA2ET42	10	217,800
	Ø30 - red	Xoay nhả	N/C	XA2ES442	10	111,100
	Ø40 - red	Xoay nhả	N/C	XA2ES542	10	89,100
	Ø60 - red	Xoay nhả	N/C	XA2ES642	10	124,300
	Ø30 - black	Xoay nhả	N/C	XA2ES422	10	118,800

Công tắc xoay Ø22

	Số vị trí		Tiếp điểm	Mã hàng	Số lượng tối thiểu	Đơn giá (VNĐ)	Số vị trí		Tiếp điểm	Mã hàng	Số lượng tối thiểu	Đơn giá (VNĐ)
 XA2ED21	Tay nắm ngắn						Tay nắm dài					
	2 vị trí - tự giữ	↘	N/O	XA2ED21	10	72,600	2 vị trí - tự giữ	↘	N/O	XA2EJ21	10	90,200
	2 vị trí - tự giữ	↘	N/O+N/C	XA2ED25	10	104,500	2 vị trí - tự giữ	↘	N/O+N/C	XA2EJ25	10	119,900
 XA2EJ21	3 vị trí - tự giữ	↘↗	2N/O	XA2ED33	10	104,500	3 vị trí - tự giữ	↘↗	2N/O	XA2EJ33	10	119,900
	3 vị trí - tự nhả	↘↗↖	2N/O	XA2ED53	10	104,500	3 vị trí - tự nhả	↘↗↖	2N/O	XA2EJ53	10	134,200
	2 vị trí - tự nhả	↘↗	N/O	XA2ED41	10	101,200						

Phụ kiện

	Tiếp điểm	Mã hàng	Số lượng tối thiểu	Đơn giá (VNĐ)
 ZA2EE101	Dùng cho nút nhấn và công tắc họ XA2			
	Tiếp điểm phụ			
	N/O	ZA2EE101	10	26,400
	N/C	ZA2EE102	10	26,400

Nút nhấn có đèn báo Ø22

	Màu	Mã hàng	Tiếp điểm	Số lượng tối thiểu	Đơn giá (VNĐ)	Mã hàng	Tiếp điểm	Số lượng tối thiểu	Đơn giá (VNĐ)	Mã hàng	Tiếp điểm	Số lượng tối thiểu	Đơn giá (VNĐ)
 XA2EW35B1	Điện áp	24V AC/DC				220V AC				380V AC			
	○	XA2EW31B1	N/O	10	136,400	XA2EW31M1	N/O	10	152,900	XA2EW31Q1	N/O	10	146,300
	●	XA2EW33B1	N/O	10	136,400	XA2EW33M1	N/O	10	136,400				
	●	XA2EW34B1	N/O	10	136,400	XA2EW34M1	N/O	10	136,400				
	●	XA2EW35B1	N/O	10	136,400	XA2EW35M1	N/O	10	136,400				
	●	XA2EW36B1	N/O	10	136,400	XA2EW36M1	N/O	10	152,900				

RƠ LE TRUNG GIAN 2-4 C/O, 5-3A loại RXM●●LB



- Tần số đóng ngắt tối đa: 1200 lần/ giờ
- Tuổi thọ cơ khí 10 triệu lần
- Đáp ứng theo tiêu chuẩn: IEC/ EN60068-2-6, IEC/ EN60529, IEC/ EN60068-2-27

Rơ le không đèn chỉ thị - 3A

Điện áp	Tiếp điểm	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
12Vdc	4 C/O	RXM4LB1JD	194,700
24Vdc	4 C/O	RXM4LB1BD	116,600
24Vac	4 C/O	RXM4LB1B7	116,600
120Vac	4 C/O	RXM4LB1F7	194,700
230Vac	4 C/O	RXM4LB1P7	116,600

Rơ le không đèn chỉ thị - 5A

Điện áp	Tiếp điểm	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
12Vdc	2 C/O	RXM2LB1JD	176,000
24Vdc	2 C/O	RXM2LB1BD	105,600
24Vac	2 C/O	RXM2LB1B7	105,600
120Vac	2 C/O	RXM2LB1F7	112,200
230Vac	2 C/O	RXM2LB1P7	105,600

Rơ le có đèn chỉ thị - 3A

12Vdc	4 C/O	RXM4LB2JD	145,200
24Vdc	4 C/O	RXM4LB2BD	137,500
36Vdc	4 C/O	RXM4LB2CD	226,600
48Vdc	4 C/O	RXM4LB2ED	145,200
110Vdc	4 C/O	RXM4LB2FD	149,600
24Vac	4 C/O	RXM4LB2B7	137,500
120Vac	4 C/O	RXM4LB2F7	149,600
230Vac	4 C/O	RXM4LB2P7	137,500

Rơ le có đèn chỉ thị - 5A

12Vdc	2 C/O	RXM2LB2JD	133,100
24Vdc	2 C/O	RXM2LB2BD	114,400
48Vdc	2 C/O	RXM2LB2ED	133,100
110Vdc	2 C/O	RXM2LB2FD	133,100
24Vac	2 C/O	RXM2LB2B7	114,400
120Vac	2 C/O	RXM2LB2F7	133,100
230Vac	2 C/O	RXM2LB2P7	114,400

Để cảm rơ le

2 C/O	RXZE1M2C	53,900
4 C/O	RXZE1M4C	72,600

Tất cả mã hàng trên đều được bán theo hộp số lượng 10 cái

BỘ NGUỒN 24V DC - ABL2K

- Thiết kế giải nhiệt tối ưu
- Điện áp vào 100...240V AC, 1 pha
- Điện áp ngõ ra 24V DC
- Công suất từ 35 đến 350W
- Điện áp ngõ ra có thể chỉnh định +/- 15%
- Đèn LED báo nguồn
- Chứng chỉ CE/KC/EAC



Bộ nguồn ABL2K

Điện áp ngõ vào (1 pha 47~63Hz)	Điện áp ngõ ra	Công suất	Dòng định mức	Tự động reset lỗi	Chuyển đổi điện áp	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
100...240 VAC	24 VDC	35W	1.5A	Có	Tự động	ABL2REM24015K	515,900
	24 VDC	50W	2.2A	Có	Tự động	ABL2REM24020K	554,400
100...120 VAC	24 VDC	100W	4.5A	Có	Bảng tay	ABL2REM24045K	746,900
	24 VDC	150W	6.5A	Có	Bảng tay	ABL2REM24065K	1,057,100
200...240 VAC	24 VDC	200W	8.3A	Có	Bảng tay	ABL2REM24085K	1,339,800
	24 VDC	250W	10.5A	Có	Bảng tay	ABL2REM24100K	1,467,400
	24 VDC	350W	14.6A	Có	Bảng tay	ABL2REM24150K	1,648,900

Phụ kiện



ABL2K01



ABL2K02



ABL2K03A ABL2K03B

Mô tả	Dùng với bộ nguồn	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Gá gắn 4 góc	ABL2REM24085K	ABL2K01	18,700
	ABL2REM24100K		
	ABL2REM24150K		
Giá đỡ gắn DIN rail 35mm	Tất cả bộ nguồn	ABL2K02	39,600
Giá đỡ chữ L nhỏ	ABL2REM24015K	ABL2K03A	149,600
	ABL2REM24020K		
	ABL2REM24045K		
Giá đỡ chữ L lớn	ABL2REM24065K	ABL2K03B	193,600
	ABL2REM24085K		
	ABL2REM24100K		
	ABL2REM24150K		

BỘ ĐIỀU KHIỂN & ĐỒNG HỒ

ƯU ĐIỂM BỘ ĐIỀU KHIỂN TỰ BÙ



- Đo sóng hài bậc 3 đến bậc 19
- Đo giá trị kvar thực tế của từng bước tự bù
- Truyền thông Modbus RS485
- Cảnh báo các bất thường xảy ra ở tủ bù

Bộ điều khiển tự bù

Mã hàng	Số bước	Truyền thông	Đơn giá (VNĐ)
51207	6	-	13,066,900
51213	12	-	18,571,300
VPL06N	6	Modbus	21,947,200
VPL12N	12	Modbus	23,190,200

Tủ bù

Mã hàng	Điện áp (V)	Công suất (kvar)	Đơn giá (VNĐ)
BLRCS100A120B44	440V	10	3,600,300
BLRCS150A180B44	440V	15	4,156,900
BLRCS200A240B44	440V	20	5,038,000
BLRCS250A300B44	440V	25	5,424,100
BLRCS303A364B44	440V	30	6,561,500
BLRCH400A480B44	440V	40	10,488,500
BLRCH500A000B44	440V	50	12,696,200
BLRCH339A407B48	480V	33.9	9,938,500

Cuộn kháng

Mã hàng	Loại	Công suất (kvar)	Đơn giá (VNĐ)
LVR05500A40T	400V 5.7%	50	24,280,300
LVR07500A40T	400V 7%	50	21,406,000

ƯU ĐIỂM ĐỒNG HỒ KỸ THUẬT SỐ PM2000



- Phân tích sóng hài đến bậc thứ 31
- Truyền thông modbus
- Đồng hồ thời gian có pin dự phòng
- Bộ nhớ lưu trữ dữ liệu
- Module mở rộng DI/DO, AI/AO

Đồng hồ kỹ thuật số PM2000

Mã hàng	Thông số đo	Cấp chính xác	Phân tích sóng hài	Truyền thông	Đơn giá (VNĐ)
METSEPM2110	VAFPE THD	1%	-	-	7,035,600
METSEPM2120	VAFPE THD	1%	15	Modbus	7,906,800
METSEPM2130	VAFPE THD	0.5%	31	Modbus	9,948,400
METSEPM2210	VAFPE THD	1%	-	-	8,658,100
METSEPM2220	VAFPE THD	1%	15	Modbus	10,399,400
METSEPM2230	VAFPE THD	0.5%	31	Modbus	12,016,400

Đồng hồ nhiều biểu giá PM5000

Mã hàng	Số biểu giá	Cấp chính xác	Phân tích sóng hài	Truyền thông	Đơn giá (VNĐ)
METSEPM5310	4	0.5%	31	Modbus RS485	16,256,900
METSEPM5320	4	0.5%	31	Modbus TCP/IP	19,526,100
METSEPM5330	4	0.5%	31	Modbus RS485	18,568,000
METSEPM5340	4	0.5%	31	Modbus TCP/IP	20,816,400
METSEPM5560	8	0.2%	63	RS485 & TCP/IP	32,292,700
METSEPM5350	-	0.5%	-	RS485	13,284,700

Đồng hồ tích hợp sẵn biến dòng iEM3000

Mã hàng	Tích hợp biến dòng	Thông số đo	Kích thước	Truyền thông	Đơn giá (VNĐ)
A9MEM3100	63A	kWh	5x18mm	-	7,872,700
A9MEM3150	63A	kWh, U, I, P, F	5x18mm	Modbus	8,709,800
A9MEM3165	63A	kWh, U, I, P, F	5x18mm	Bacnet	11,004,400
A9MEM3350	125A	kWh, U, I, P, F	5x18mm	Modbus	11,034,100

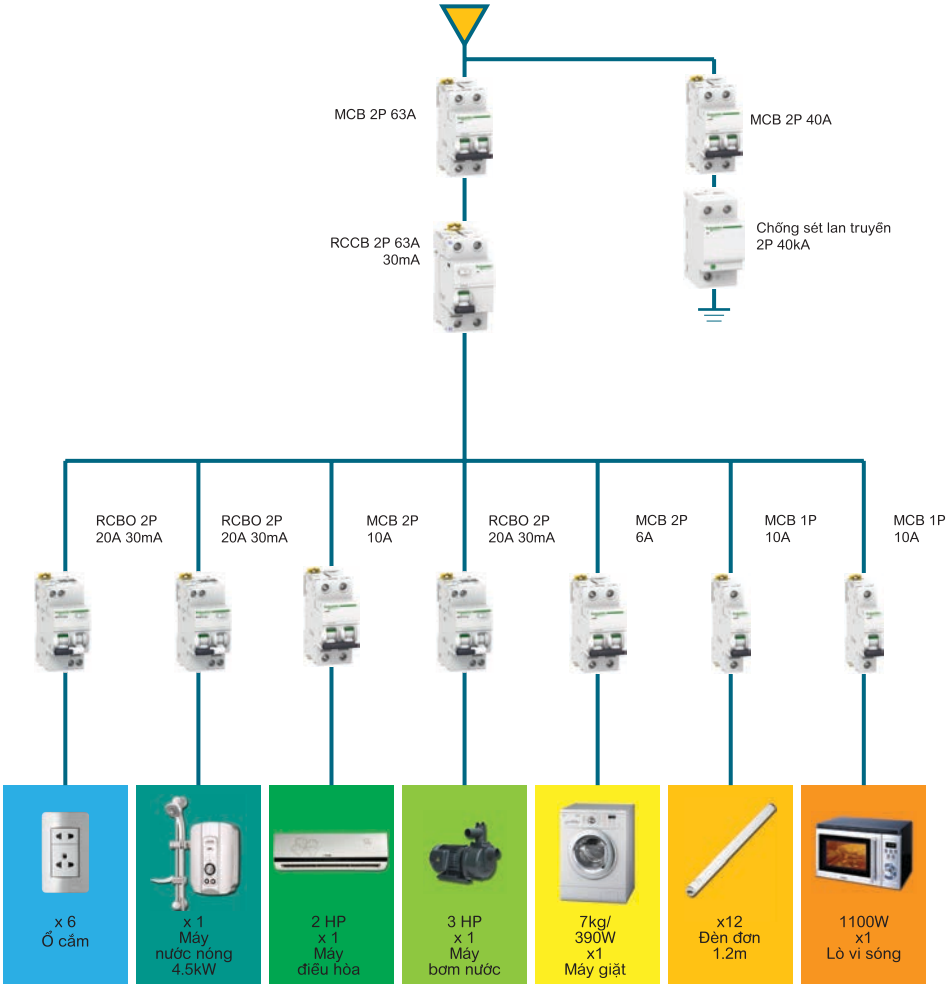
Đồng hồ dùng cho máy phát

Mã hàng	Cấp chính xác	Truyền thông	Đơn giá (VNĐ)
METSEPM1130HCL05RS	0.5%	Modbus RS485	5,133,700

Đồng hồ đo VAF PF% Unbalance

Mã hàng	Cấp chính xác	Truyền thông	Đơn giá (VNĐ)
METSEDM6000HCL10NC	1%	-	3,278,000
METSEDM6200HCL10RS	1%	Modbus RS485	3,771,900

SƠ ĐỒ MẠNG ĐIỆN AN TOÀN CHUẨN



Khuyến cáo lựa chọn cầu dao tự động theo tiết diện dây dẫn

Tiết diện dây dẫn	Mục đích sử dụng	Công suất cho phép tối đa	Lựa chọn cầu dao tự động
1.5mm ²	■ Dùng cho đèn, nguồn các loại ổ cắm thông dụng hoặc thiết bị ít hao điện, (chuông cửa, vv,)	■ < 2300W	■ 10A
2.5mm ²	■ Cung cấp nguồn cho ổ cắm hoặc ổ cắm chuyên dụng (máy giặt, máy nước nóng, lò sưởi điện)	■ < 3680W	■ 16A - 20A
4mm ²		■ < 5750W	■ 25A
6mm ²	■ Dùng cho các thiết bị như nồi cơm điện, lò nướng, lò sưởi điện CÔNG SUẤT CAO	■ < 7360W	■ 32A
10mm ²	■ Dùng để kết nối điện giữa thiết bị đóng ngắt và tủ điện	■ 6/9/12kVA	■ 16 - 32 A đến 50 A
16mm ²		■ 50/60 kVA	■ 63 A
25mm ²	■ Dùng cho dây dẫn có chức năng bảo vệ chính: phải có cùng tiết diện như dây nối giữa thiết bị đóng ngắt và tủ điện.		



Câu lạc bộ thợ điện Schneider Electric

Dành cho người thi công điện. Hội viên tham gia CLB Thợ điện Schneider Electric bằng cách TẢI VÀ ĐĂNG KÝ ứng dụng Thợ điện mySchneider Electrician sẽ được tham dự MIỄN PHÍ các khóa đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ.

Hội viên được tư vấn lựa chọn, hướng dẫn lắp đặt sản phẩm, tham quan nhà máy và tham gia các Chương trình khuyến mãi và tích lũy điểm thưởng khi có công trình sử dụng thiết bị Schneider Electric.



Điểm bán hàng ủy quyền

Dành cho các đại lý, tiệm điện. Các đại lý, tiệm điện tham gia chương trình sẽ được trang bị bảng hiệu, kệ trưng bày, bảng sản phẩm mẫu cùng các vật phẩm quảng cáo cần thiết khác nhằm quảng bá cho thương hiệu của đại lý và gia tăng doanh số bán hàng.



Kết nối người sử dụng

Dành cho chủ nhà và người sử dụng. Khách hàng đăng ký tham gia chương trình sẽ được tư vấn miễn phí cách thiết kế, lựa chọn, lắp đặt, sử dụng thiết bị điện an toàn, tiện nghi và hiệu quả. Đặc biệt khách hàng sẽ được tham quan phòng trưng bày giải pháp Nhà Thông Minh - Wiser Home của Schneider Electric.



Theo dõi trang thông tin dành cho cửa hàng kinh doanh thiết bị điện tại đây.



Hãy tham gia CLB Thợ điện & tận hưởng nhiều ưu đãi.
Tải và đăng ký ứng dụng Thợ điện “mySchneider Electrician” ngay hôm nay !



Schneider Electric Việt Nam

Email: customercare.vn@schneider-electric.com
Website: www.se.com/vn/vi/
Facebook: www.facebook.com/SchneiderElectricVN
Hotline: **1800-585858** (Miễn cước cuộc gọi)

Hà Nội

Lầu 8, Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Ba Đình
ĐT: (024) 3831 4037
Fax: (024) 3831 4039

Đà Nẵng

Phòng D, Lầu 6, Tòa nhà ACB
218 Bạch Đằng, Quận Hải Châu
ĐT: (0236) 387 2491
Fax: (0236) 387 2504

Hồ Chí Minh

Phòng 7.2, Lầu 7, Tòa nhà E-Town
364 Cộng Hòa, Quận Tân Bình
ĐT: (028) 3810 3103
Fax: (028) 3812 0477

